



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY HẢI SẢN SÀI GÒN

Lô 4-6-8, Đường 1A, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP.HCM, Việt Nam

ĐT: (028) 3754.1889 – 3754.1812

Fax: (028) 3754.1808 – 3754.1891

Email: aptco@apt.com.vn

Web: www.apt.com.vn

Số: *66* /CV – THS

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày *19* tháng 04 năm 2024

V/v Công bố thông tin trên công thông tin điện tử của Sở Giao dịch CK Hà Nội Báo cáo thường niên năm 2023

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty: Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn.

Mã Chứng khoán: APT.

Trụ sở chính: Lô 4-6-8, đường số 1A, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 84-28-37541802 Fax: 84-28-37541808.

Người thực hiện Công bố thông tin: **BÀ ĐỖ NGỌC NGÀ**

Điện thoại: 84-28-37541802 Fax: 84-28-37541808.

Di động: 0907396004

Loại Thông tin công bố: Theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

Công bố thông tin: Báo cáo thường niên năm 2023

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên (để công bố TT);
- HĐQT/BKS Công ty (để báo cáo);
- Lưu: VT, TK Công ty.



ĐỖ NGỌC NGÀ



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY HẢI SẢN SÀI GÒN (APT).

Năm báo cáo: 2023



I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY HẢI SẢN SÀI GÒN.**
- Tên tiếng Anh: **SAIGON AQUATIC PRODUCTS TRADING JOINT STOCK COMPANY.**
- Tên viết tắt: **APT CO.**
- Trụ sở chính: Lô 4-6-8 Đường 1A, P.Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP.Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (84.28) 37541889 - Fax: (84.28) 37541808.
- Website: <https://www.apt.com.vn> - Email: aptco@apt.com.vn
- Fanpage: facebook.com/aptfoods, Youtube: youtube.com/aptfoods.
- Vốn điều lệ: 88.000.000.000 đồng (tám mươi tám tỷ đồng).
- GCNĐKKD số 4103005759 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 20/12/2006; đăng ký thay đổi lần 12 ngày 01/03/2024 (thay đổi đăng ký kinh doanh sang số 0300523755)
- Mã cổ phiếu: **APT**

2. Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy Hải sản Sài Gòn (APT) được thành lập do cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước là Công ty kinh doanh thủy hải sản theo Quyết định số 2399/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh ngày 26/05/2006 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty kinh doanh thủy hải sản thành Công ty Cổ phần kinh doanh thủy hải sản Sài Gòn (APT). APT chính thức hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần từ ngày 01/01/2007 theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 4103005759 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp ngày 20/12/2006.

APT chuyên sản xuất, chế biến và kinh doanh các mặt hàng thủy hải sản, nông

sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa. Được thành lập từ năm 1976, đến nay Công ty đã không ngừng cải tiến kỹ thuật, trang thiết bị, công nghệ nhằm nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm. Các Xí nghiệp trực thuộc Công ty đều được cấp Code xuất khẩu đi Châu Âu bao gồm Code DL 364, DL 769, HK 156, NM 880, DL 878.

Với các yếu tố như: đội ngũ quản lý, cán bộ kỹ thuật có kinh nghiệm và năng động, công nhân sản xuất chế biến lành nghề, dây chuyền sản xuất hiện đại, cùng hệ thống quản lý chất lượng theo các tiêu chuẩn HACCP, BRCGs... Công ty rất tự hào vì đã góp phần tạo nên một thế giới thực phẩm an toàn, chất lượng phục vụ cho cuộc sống.

Với năng lực hiện có, hàng năm Công ty sản xuất và chế biến 20.000 - 30.000 tấn thủy hải sản các loại, trong đó 60% dành cho xuất khẩu. Hiện nay, sản phẩm của Công ty có mặt trên 25 quốc gia ở các châu lục và ngày càng mở rộng trong tương lai.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 12 (mười hai) lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp bổ sung giấy chứng nhận ĐKKD. Lần thay đổi thứ mười hai ngày 01/03/2024.

Công ty đã được tặng thưởng các danh hiệu:

- + Năm 2001: Huân chương Lao Động hạng 3.
- + Giải thưởng Hội chợ hàng Việt Nam chất lượng cao hợp chuẩn 2004, 2005, 2006.
- + Sản phẩm uy tín chất lượng năm 2005
- + Huy chương vàng hội chợ Vietfish 2000, 2003, 2005, 2006, 2007, 2008.
- + Năm 2006: Giải thưởng Sao vàng Đất Việt, Business Excellent Awards 2006.
- + Thương hiệu Việt Uy tín chất lượng năm 2005, 2006, 2007
- + Năm 2008: Giấy chứng nhận Doanh nghiệp Xuất khẩu Uy tín của Bộ Công Thương.
- + Năm 2010, 2011, 2013, 2014, 2017, 2018, 2020, 2021, 2022: Giấy Chứng

nhận hàng Việt Nam chất lượng cao.

+ Năm 2017, 2018, 2019, 2020: Giấy chứng nhận hàng Việt Nam chất lượng cao chuẩn hội nhập.

+ Năm 2017, 2019, 2021: Sản phẩm dịch vụ tiêu biểu TP.Hồ Chí Minh.

+ Năm 2017: Doanh nghiệp Thương hiệu Việt tiêu biểu năm 2017 của Ban chỉ đạo Trung ương cuộc vận động: Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam.

+ Năm 2016, 2017, 2018, 2023-2025 “*đạt chứng nhận VietGap*”, chứng nhận Đơn vị nuôi đạt tiêu chuẩn “*chuỗi sản phẩm an toàn*” có giá trị đến năm 2025.

+ Doanh nghiệp phát triển bền vững 42 năm do Hiệp hội Doanh nghiệp Thành phố trao tặng.

+ Sản phẩm công nghiệp & công nghiệp hỗ trợ tiêu biểu Thành phố năm 2020.

+ Năm 2022: Bằng khen Doanh nghiệp có thành tích xuất sắc trong tham gia thực hiện Chương trình Bình ổn thị trường trên địa bàn TPHCM 2002-2022

3. Các sự kiện khác:

Ngày 26/11/2006, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy Hải sản Sài Gòn nhiệm kỳ I do Đại hội đồng cổ đông thành lập bầu ra, gồm 05 người với nhiệm kỳ 05 năm kể từ tháng 01/2007 đến tháng 12/2011. Danh sách Hội đồng Quản trị (HĐQT) cụ thể gồm có:

- | | |
|----------------------------|-------------------------------------|
| 1. Ông Nguyễn Chí Thành | Chủ tịch HĐQT; |
| 2. Ông Đỗ Văn Vinh | Thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc; |
| 3. Ông Nguyễn Thanh Sơn | Thành viên HĐQT – P. Tổng Giám đốc; |
| 4. Ông Nguyễn Văn Công Hậu | Thành viên HĐQT – P. Tổng Giám đốc; |
| 5. Ông Tạ Bá Thuyết | Thành viên HĐQT (cổ đông ngoài); |

Từ tháng 04/2008, Ông Đào Xuân Đức – người Đại diện vốn Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn TNHH MTV, giữ chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị thay thế Ông Nguyễn Chí Thành do chuyển công tác.

Ngày 21/11/2008, Ủy Ban Nhân Dân TP HCM đã chấp thuận chủ trương cho Công ty Cổ phần Kinh Doanh Thủy hải sản Sài Gòn thực hiện bán đấu giá tiếp phần vốn Nhà nước là 36,68% /Vốn điều lệ (VĐL) và chỉ giữ lại phần vốn Nhà nước theo phương án ban đầu là 30%/VĐL. Căn cứ vào Biên bản xác định kết quả đấu giá ngày 27/8/2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh, Tổng Công ty Thương Mại Sài Gòn đã tổ chức xong việc bán đấu giá 36,68% /VĐL của phần vốn Nhà nước tại Công ty.

Tháng 8/2009, thành viên HĐQT tiếp tục có sự thay đổi do Tổng Công Ty Thương Mại Sài Gòn thay đổi người Đại diện vốn Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn TNHH MTV. Cụ thể:

Ông Trương Tiến Dũng là Đại diện vốn Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn TNHH MTV, thành viên Hội đồng Quản trị giữ chức vụ Tổng Giám đốc, thay thế Ông Đỗ Văn Vinh do bị Hội đồng Quản trị tạm đình chỉ chức vụ.

Ngày 31/10/2009, Tổng Công ty Thương Mại Sài Gòn có Quyết định giảm số lượng người Đại diện vốn Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn TNHH MTV từ 05 thành viên xuống còn 03 thành viên (Ông Nguyễn Thanh Sơn Phó TGD và Ông Nguyễn Văn Công Hậu Phó TGD không còn là người Đại diện vốn Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn TNHH MTV và từ nhiệm chức danh thành viên HĐQT tại Công ty).

Công ty đã tổ chức Đại hội đồng Cổ đông bất thường vào tháng 11/2009 để bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị. Sau đại hội, các thành viên Hội đồng Quản trị được thay đổi theo danh sách sau:

- | | | |
|--------------------------|---|---------------------------------|
| 1. Ông Trần Phát Minh | : | Chủ tịch HĐQT |
| 2. Ông Nguyễn Ngọc Tuấn: | | Thành viên HĐQT |
| 3. Ông Đào Xuân Đức | : | Thành viên HĐQT |
| 4. Ông Trương Tiến Dũng: | | Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc |
| 5. Ông Tạ Bá Thuyết | : | Thành viên HĐQT |

Sau Đại hội thường niên 2010, các thành viên HĐQT được thay đổi theo danh sách như sau:

1. Ông Trần Phát Minh : Chủ tịch HĐQT
2. Ông Đào Xuân Đức : Thành viên HĐQT
3. Ông Trương Tiến Dũng: Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc
4. Ông Phùng Công Trí Dũng: Thành viên HĐQT

Ngày 12 tháng 7 năm 2011, UBND Thành phố Hồ Chí Minh đã ra Thông báo số 477/TB-VP về việc kết luận thanh tra toàn diện các vấn đề liên quan đến công tác điều hành SXKD và công tác quản lý tổ chức của Công ty Cổ phần kinh doanh thủy hải sản Sài Gòn. Qua đó, UBND Thành phố Hồ Chí Minh đã thống nhất theo đề xuất của Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn, chọn phương án tái cấu trúc lại tổ chức và hoạt động để giúp Công ty Cổ phần kinh doanh thủy hải sản Sài Gòn phục hồi, duy trì hoạt động, tạo công ăn việc làm cho người lao động và có điều kiện thanh toán công nợ.

Tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2012 cổ đông Công ty đã bầu chọn Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ II (2012-2016) gồm các thành viên:

1. Ông Trần Phát Minh: Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
2. Ông Nguyễn Lâm Vinh Huy: Thành viên Hội đồng Quản trị.
3. Ông Trương Tiến Dũng: Thành viên Hội đồng Quản trị
- Tổng Giám đốc.

Tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2017, cổ đông Công ty đã bầu chọn Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát Công ty nhiệm kỳ III (2017-2022) như sau:

Hội đồng Quản trị gồm các thành viên:

1. Ông Trần Phát Minh: Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
2. Ông Nguyễn Lâm Vinh Huy: Thành viên Hội đồng Quản trị.
3. Ông Trương Tiến Dũng: Thành viên Hội đồng Quản trị
- Tổng Giám đốc.

Ban Kiểm soát gồm các thành viên:

1. Ông Diệp Phú Vinh: Trưởng Ban Kiểm soát.
2. Bà Đỗ Ngọc Nga: Thành viên.
3. Bà Lê Thị Thùy Trang: Thành viên.

Tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018. Ông Diệp Phú Vinh Trưởng ban kiểm soát có đơn xin từ nhiệm thành viên Ban kiểm soát. Đại hội đồng cổ đông năm 2018 đã bầu Ông Bùi Tấn Định làm thành viên Ban Kiểm soát và Ban kiểm soát đã bầu Ông Bùi Tấn Định làm Trưởng Ban Kiểm soát.

Tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019 Ông Trần Phát Minh Chủ tịch Hội đồng Quản trị có đơn xin từ nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị. Đại hội đồng cổ đông năm 2019 đã bầu Ông Hoàng Văn Vỹ làm thành viên Hội đồng Quản trị và Hội đồng Quản trị đã bầu Ông Trương Tiến Dũng làm Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty.

Vào ngày 07/6/2019 Cổ phiếu APT được chính thức giao dịch trên Sàn Upcom (QĐ 322/QĐ-SGCHN ngày 30/5/2019) và thông báo số 583/TB-SGDHN ngày 30/5/2019 về ngày giao dịch đầu tiên). Tuy nhiên ngay từ ngày giao dịch đầu tiên Cổ phiếu APT đã bị đưa vào diện hạn chế giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, chỉ được giao dịch vào phiên thứ 6 hàng tuần theo thông báo số 613/TB-SGDHN-QLNY ngày 06/06/2019.

Tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 Ông Bùi Tấn Định Trưởng ban Kiểm soát có đơn xin từ nhiệm thành viên Ban Kiểm soát. Đại hội đồng cổ đông năm 2020 đã bầu Bà Nguyễn Thị Hồng làm thành viên ban Kiểm soát và Ban Kiểm soát đã bầu Bà Đỗ Ngọc Nga giữ chức vụ Trưởng ban Kiểm soát Công ty.

Vào ngày 30/7/2021 căn cứ qui định tại nghị định 71/2017/NĐ-CP Ông Trương Tiến Dũng đã có đơn xin thôi giữ chức Chủ tịch HĐQT và tiếp tục là thành viên HĐQT Công ty. Hội đồng Quản trị đã chấp thuận và bầu Ông Nguyễn Lâm Vinh Huy giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT

Tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 Ông Hoàng Văn Vỹ thành viên HĐQT có đơn xin từ nhiệm và Bà Đỗ Ngọc Nga Trưởng ban Kiểm soát có đơn xin từ nhiệm thành viên Ban Kiểm soát. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đã bầu Bà Đỗ Ngọc Nga làm thành viên Hội đồng Quản trị và bầu Ông Vũ Minh Bảo làm thành viên ban Kiểm soát và Ban Kiểm soát đã bầu Ông Vũ Minh Bảo giữ chức vụ Trưởng ban Kiểm soát Công ty.

Tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 tổ chức ngày 28/4/2022 đã bầu

Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ IV (2022-2027) với danh sách như sau:

Hội đồng Quản trị gồm các thành viên:

- | | |
|-----------------------------|--|
| 1. Ông Nguyễn Lâm Vinh Huy: | Chủ tịch Hội đồng Quản trị. |
| 2. Ông Nguyễn Thành Vinh: | Thành viên Hội đồng Quản trị. |
| 3. Bà Đỗ Ngọc Nga: | Thành viên Hội đồng Quản trị
- Tổng Giám đốc. |

Ban Kiểm soát gồm các thành viên:

- | | |
|--------------------------|-----------------------|
| 1. Ông Vũ Minh Bảo: | Trưởng Ban Kiểm soát. |
| 2. Ông Trịnh Ngọc Thuận: | Thành viên. |
| 3. Bà Lê Thị Thùy Trang: | Thành viên. |

Sau đại hội, Ông Trịnh Ngọc Thuận đã có đơn xin từ nhiệm thành viên Ban Kiểm soát. Công ty đã tổ chức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản và Cổ đông đã đồng ý miễn nhiệm Ông Trịnh Ngọc Thuận và bầu Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa vào Ban kiểm soát thay Ông Trịnh Ngọc Thuận từ ngày 20/6/2022.

Tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa có đơn xin từ nhiệm thành viên Ban Kiểm soát. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 đã bầu Bà Nguyễn Ngọc Mai Trinh vào Ban Kiểm soát thay Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa từ ngày 28/04/2023 và Ban Kiểm soát đã bầu Ông Vũ Minh Bảo giữ chức vụ Trưởng ban Kiểm soát Công ty.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh theo GCNĐKKD:

Nuôi trồng thủy sản. Mua bán vật tư phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản. Mua bán, chế biến thủy hải sản. Gia công các mặt hàng thủy hải sản. Sản xuất, mua bán thức ăn gia súc. Chế biến nước mắm, nước chấm. Sản xuất nước đá. Gia công hàng may mặc, các sản phẩm bằng kim loại. Sản xuất, mua bán gaz NH₃. Sản xuất các loại cấu kiện từ panel nhựa xốp, gia công lắp ráp các nhà kho chứa, kho lạnh, khung nhà tiền chế, các loại vách ngăn cách nhiệt, các tấm trần bằng cấu kiện panel và tole tráng nhựa, các loại bao bì, các loại hộp thực phẩm và thức ăn nhựa bằng nhựa xốp. Mua bán xăng, dầu, nhớt các loại. Kinh doanh

ăn uống các mặt hàng thủy hải sản tươi sống và chế biến. Mua bán bao bì, panel nhựa xốp, mua bán cấu kiện, thiết bị lạnh. Mua bán thực phẩm, công nghệ phẩm, kim khí, điện máy, xe máy, vật tư phục vụ sản xuất, nông sản, phương tiện vận tải chuyên dùng. Mua bán thiết bị, máy móc, vật tư, nguyên liệu ngư lưới cụ, rượu. Ăn uống, nhà nghỉ, massage, xông hơi, sân tennis. Dịch vụ bảo quản hàng đông lạnh xuất khẩu, sửa chữa cơ điện lạnh. Cano lướt ván, chèo thuyền, câu cá giải trí. Cho thuê kho, bãi, kinh doanh bất động sản, bảo quản thịt và các sản phẩm chế biến từ thịt, chế biến bảo quản rau quả. Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn, chăn nuôi gia cầm.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị:

- Đại hội đồng Cổ đông.

Đại hội đồng Cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định của công ty, quyết định những vấn đề thuộc quyền và nhiệm vụ được Luật pháp và Điều lệ công ty quy định.

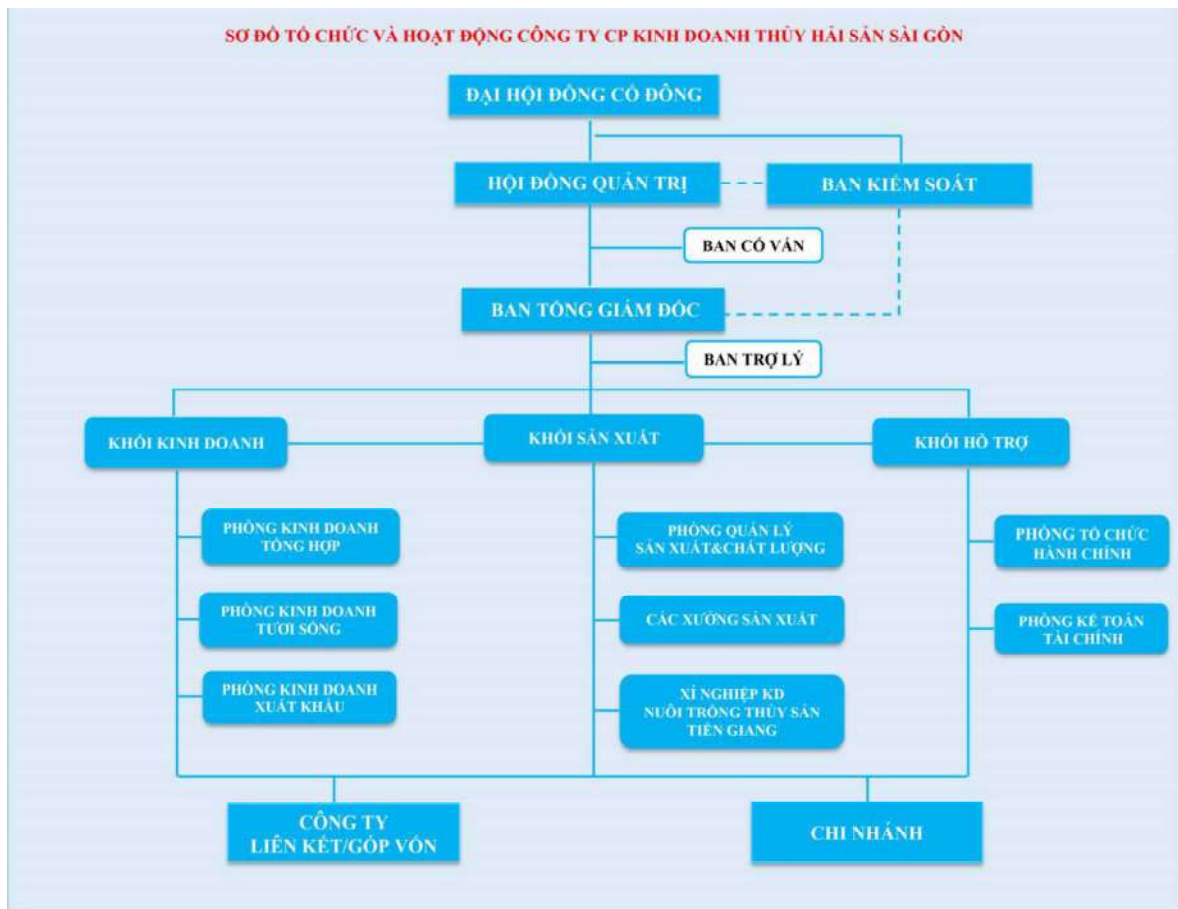
- Hội đồng Quản trị.

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng Quản trị công ty hiện có 03 thành viên và có nhiệm kỳ là 05 năm.

- Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát là cơ quan thực hiện giám sát trong việc quản lý và điều hành của công ty, kiểm tra tính hợp lý, pháp lý, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban Kiểm soát công ty hiện có 03 thành viên và có nhiệm kỳ tương ứng theo nhiệm kỳ của HĐQT.

Cơ cấu Bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy Hải sản Sài Gòn



- Các Công ty con, Công ty liên kết: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các Công ty con, Công ty liên kết): Không có.

5. Định hướng phát triển:

5.1. Mục tiêu tổng quát của chiến lược phát triển:

- Xây dựng phương án khả thi khai thác có hiệu quả các tài sản trên đất ở các mặt bằng; Thực hiện phương án tái cấu trúc Công ty từng bước nhằm lành mạnh hóa tài chính.

- Trên tinh thần khai thác tối đa các nguồn lực sẵn có, hợp tác chặt chẽ với các đối tác trong và ngoài nước, Công ty duy trì và ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo công ăn việc làm nâng cao đời sống cho người lao động.

- Công ty APT cam kết cung ứng thực phẩm chế biến thủy hải sản "*Chất lượng cao-giàu chất dinh dưỡng-an toàn và tiện lợi*", phấn đấu trở thành một trong những

thương hiệu Việt chuyên nghiệp và uy tín với người tiêu dùng.

- Mục tiêu đặt ra cho những năm sắp tới là các chỉ tiêu kế hoạch SXKD phải có tốc độ tăng trưởng hàng năm tăng từ 10% - 20%. Sớm hoàn tất công tác quyết toán giai đoạn Nhà nước và thoái hết vốn Nhà Nước theo chỉ đạo của UBND Thành phố.

- Sau khi tình hình tài chính được lành mạnh hóa, mục tiêu hướng đến là kim ngạch xuất khẩu phải đạt trên 10.000.000USD. Kinh doanh nội địa trở thành nhà cung cấp với đa dạng hóa mặt hàng, doanh thu đạt trên 200 tỷ.

5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

5.2.1. Chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh Thủy hải sản:

** Xuất khẩu:*

- Phân đầu tăng tỉ lệ sản xuất phục vụ xuất khẩu lên trên 50% công suất Nhà máy.
- Đẩy mạnh xuất khẩu các mặt hàng có lợi thế cạnh tranh, tích cực phát triển các mặt hàng có tiềm năng thành những mặt hàng xuất khẩu mới, theo hướng nâng cao hiệu quả xuất khẩu. Chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu theo hướng đẩy mạnh xuất khẩu các mặt hàng có giá trị gia tăng cao.
- Khách hàng & thị trường: Tiếp tục giữ vững và duy trì quan hệ tốt với khách hàng truyền thống (*Hà Lan, Mỹ, Hàn Quốc, Úc và các nước Asean*), nối lại mối quan hệ với một số khách hàng ở thị trường Trung Quốc, Nhật để xuất khẩu các mặt hàng chế biến khô của Công ty. Không ngừng tìm kiếm khách hàng, mở rộng thị trường Xuất khẩu ở các nước khu vực: EU, Trung Đông, Châu Á, Asean, Japan ... Phân đầu mỗi thị trường có ít nhất từ 1 – 2 khách hàng mới
- Chỉ tiêu kim ngạch: Phân đầu chỉ tiêu kim ngạch xuất khẩu bình quân mỗi năm tăng từ 10 - 15 %/năm.
- Mặt hàng chính: Cá biển, cá nước ngọt các loại cấp đông và chế biến khô. Một số mặt hàng tinh chế đông lạnh, và nước mắm, nông sản.

** Nội địa:*

- Hướng đến mục tiêu APT trở thành Nhà cung ứng thực phẩm “*An toàn – Chất lượng và Chuyên nghiệp*”. Chuyển đổi cơ cấu sản phẩm, hướng đến những sản phẩm thiết thực đối với bữa ăn của gia đình (*đặc biệt quan tâm đến sản phẩm dành cho các gia đình*). Xây dựng chiến lược thương hiệu APT, nâng cao hiệu quả nhận diện thương hiệu, sản phẩm APT thông qua các chương trình quảng cáo hoặc giới thiệu sản phẩm APT đến người tiêu dùng thông qua phương tiện thông tin thông tấn báo chí, đài phát thanh, truyền hình.

- Với điều kiện thuận lợi về chứng nhận đạt tiêu chuẩn “*chuỗi sản phẩm an toàn*”, “*đạt chứng nhận VietGap*”, chứng nhận “*Hàng Việt Nam chất lượng cao*” “*Hàng Việt Nam chất lượng cao chuẩn hội nhập*” “*Sản phẩm thương hiệu Việt tiêu biểu của Bộ Công Thương*” tiếp tục là điều kiện thuận lợi để mở rộng thị trường và phát triển thương hiệu APT đối với ngành hàng thủy hải sản tươi sống, nhất là đối với mặt hàng cá điêu hồng.

- Thị trường: Tiếp tục đẩy mạnh phát triển mạng lưới phân phối, mở rộng thị trường, tăng cường đưa hàng hóa vào các siêu thị Central/ Go/ Co.op mart/ Satra mart/ Vissan/ ...bếp ăn tập thể, khu chế xuất, khu công nghiệp, đặc biệt quan tâm đến các kênh chợ truyền thống. Mục tiêu đặt ra là hàng thủy hải sản tươi sống của APT có mặt tại hầu hết các cửa hàng Satra foods và từng bước có mặt tại các hệ thống siêu thị lớn như Coopmart, Central , Go!...vv

- Mặt hàng chính: Tập trung phát triển các sản phẩm truyền thống APT (*Cá sơ chế các loại; Nước mắm các loại; thủy hải sản tươi sống; Sản phẩm khô; các mặt hàng tinh chế...*). Ngoài ra cần nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới trên cơ sở nhu cầu, xu hướng văn hóa tiêu dùng mới của khách hàng, thị trường.

5.2.2. Chiến lược phát triển kinh doanh thương mại – dịch vụ:

Ngoài việc tập trung phát triển sản xuất kinh doanh thủy hải sản, trong chiến lược phát triển từ 2022 đến năm 2027, Công ty tập trung phát triển mạnh lĩnh vực thương mại dịch vụ như dịch vụ cho thuê kho, cho thuê văn phòng, dịch vụ xuất nhập khẩu ủy thác, kinh doanh ăn uống, nhà hàng,...vv.

5.2.3. Chiến lược phát triển các dự án đầu tư:

- Thực hiện các dự án đầu tư nâng cấp sửa chữa, mở rộng sản xuất kinh doanh một cách có hiệu quả, duy trì điều kiện sản xuất luôn đạt tiêu chuẩn An toàn vệ sinh thực phẩm, Code xuất khẩu.

- Bên cạnh việc duy tu bảo dưỡng máy móc thiết bị cũ đã xuống cấp, Công ty cần đầu tư trang thiết bị, dây chuyền sản xuất hiện đại nhằm nâng cao năng lực sản xuất, tăng sản lượng, giảm giá thành sản phẩm, đảm bảo tốt chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm.

5.2.4. Chiến lược phát triển nuôi trồng:

- Xí nghiệp nuôi trồng thủy sản và mặt hàng cá điều hồng của Công ty APT đạt chứng nhận “*chuỗi thực phẩm an toàn*” và “*đạt chứng nhận VietGap*” là điều kiện để phát triển mặt hàng cá nuôi.

- Duy trì phương pháp nuôi an toàn, chất lượng, tạo ra nguyên liệu đáp ứng cho công tác xuất khẩu và cung cấp cho thị trường nội địa “*chuỗi thực phẩm an toàn*”; đảm bảo sản phẩm đạt chất lượng và có thể truy xuất nguồn gốc đối với các mặt hàng cá điều hồng, cá trê, cá tra ... cho công tác xuất khẩu.

5.2.5. Chiến lược phát triển nguồn nhân lực:

Công ty thực hiện chiến lược phát triển nguồn nhân lực theo hướng:

- Tiếp tục xây dựng hệ thống và bộ máy quản lý hiệu quả, theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, chất lượng và năng động.

- Tăng cường các biện pháp tuyển dụng, thu hút nguồn nhân lực có năng lực từ bên ngoài. Đẩy mạnh công tác đào tạo tại chỗ nguồn nhân lực có tay nghề.

- Có chính sách đãi ngộ nguồn nhân lực, thường xuyên chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

- Xây dựng đội ngũ bán hàng có năng lực và chuyên nghiệp để có thể nắm bắt kịp thời thông tin thị trường cũng như triển khai tốt các chương trình bán hàng nhằm xây dựng và phát triển thương hiệu APT ngày càng lớn mạnh.

6. Các rủi ro:

6.1. Rủi ro về kinh tế:

Tốc độ tăng trưởng cũng như những nhân tố ảnh hưởng bất lợi cho nền kinh tế toàn cầu đều ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Kinh tế thế giới hồi phục, đặc biệt tại các nước nhập khẩu thủy sản, sẽ góp phần cho việc hồi phục và tăng sức tiêu thụ hàng hóa thủy sản và làm tăng doanh số bán và hiệu quả hoạt động của Công ty và ngược lại. Bên cạnh đó, các yếu tố vĩ mô khác trong nước như tốc độ tăng trưởng kinh tế chung của cả nước, lãi suất tiền gửi ngân hàng, tình hình lạm phát v.v... cũng ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của công ty và giá cả cổ phiếu của Công ty trên thị trường.

6.2. Rủi ro về luật pháp:

Về cơ bản, nhà nước có chính sách khuyến khích và hỗ trợ hoạt động nuôi trồng, chế biến và xuất khẩu thủy sản. Tuy nhiên, việc ban hành hoặc thay đổi chính sách, quy định mới... liên quan đến hoạt động của ngành có thể ảnh hưởng tới Công ty mà nhà đầu tư phải lưu ý, đặc biệt là các văn bản chuyên ngành liên quan đến thủy sản, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường... Mặt khác, các rủi ro liên quan đến việc thay đổi các quy định liên quan đến an toàn thực phẩm, bảo vệ người tiêu dùng, bảo hộ sản xuất... tại các nước nhập khẩu được điều chỉnh liên tục cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro đối với hoạt động xuất khẩu thủy sản.

Mặt bằng kinh doanh của Công ty chủ yếu là thuê, trong đó có nhiều diện tích được Nhà Nước cho thuê theo hình thức đất trả tiền thuê đất hàng năm, vì thế trong thời gian tới việc điều chỉnh giá thuê đất của Nhà Nước sẽ ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

Công ty đã là Công ty đại chúng theo quy định của Luật chứng khoán và đã thực hiện việc đăng ký giao dịch tại sàn Upcom từ tháng 6 năm 2019, nên hoạt động của Công ty còn chịu sự điều chỉnh của các Luật, Nghị định và các văn bản pháp luật khác liên quan đến chứng khoán và thị trường chứng khoán.

6.3. Rủi ro đặc thù:

Rủi ro tỷ giá hối đoái: Tỷ giá hối đoái danh nghĩa giữa VND và các đồng tiền mạnh khác trên thế giới trong thời gian qua mặc dù được kiểm soát nhưng vẫn có những biến động rất thất thường đã gây ra những ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động của các doanh nghiệp xuất nhập khẩu và thương mại và hoạt động của Công ty cũng không là ngoại lệ. Trong điều kiện thị trường tài chính vẫn chưa phát triển, các công cụ phát sinh bảo hiểm tỷ giá vẫn chưa được áp dụng thì rủi ro về tỷ giá đối với Công ty là một rủi ro mang tính khách quan khó có thể thay đổi hay giảm thiểu.

Rủi ro tài chính: Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty yêu cầu phải có vốn rất lớn. Tuy nhiên, vốn tự có thấp và thiếu vốn lưu động. Vì vậy, các khoản nợ vay của Công ty chiếm tỷ trọng cao trong tổng tài sản, do vậy rủi ro liên quan đến mức biến động lãi suất cho vay và rủi ro thanh khoản cũng hết sức quan trọng mà nhà đầu tư phải chú ý khi xem xét quyết định. Nợ vay ngân hàng chiếm tỷ trọng cao trong tổng tài sản của Công ty vì thế biến động về lãi suất cũng ảnh hưởng lớn đến hiệu quả của Công ty.

Các rủi ro liên quan đến thị trường tiêu thụ: Trong thời gian qua, sản phẩm của Công ty chủ yếu là dành để xuất khẩu nên các biến động của thị trường tại nước nhập khẩu sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty và đôi lúc có thể coi là khó có thể phòng ngừa. Công ty chỉ có thể giảm thiểu bằng các biện pháp như đầu tư hiện đại hóa các quy trình sản xuất và nuôi trồng để đáp ứng được các tiêu chuẩn ngày càng khắt khe và thay đổi liên tục của các nước nhập khẩu, đa dạng hóa thị trường, quan tâm nhiều hơn đến việc mở rộng thị trường nội địa...

Rủi ro về nguồn nguyên liệu: Thẻ vàng IUU, Nguồn nguyên liệu thủy sản trong thời gian qua được đánh giá là thiếu ổn định cả về sản lượng và giá cả. Một trong những nguyên nhân của tình trạng này là do việc sản xuất manh mún, thiếu quy hoạch, thiếu sự điều tiết từ phía Nhà nước... Bên cạnh đó sự gắn kết giữa các Doanh nghiệp chế biến và người nuôi trong thời gian không chắc chắn cũng dẫn đến sự không ổn định về nguyên vật liệu cho chế biến. Hiện nay, để giảm thiểu rủi ro này thì APT đã và đang đầu tư vào khâu nuôi trồng để chủ động hơn cho việc chế biến, tuy nhiên ngay cả việc tự tổ chức nuôi trồng thủy sản nguyên liệu thì Công ty cũng có thể gặp các rủi ro liên quan như chi phí thức ăn, thời tiết, chất lượng và sản lượng nuôi trồng...

Rủi ro liên quan đến nhân sự và quản lý: Kinh doanh và chế biến thủy sản là ngành sử dụng nhiều lao động và yêu cầu tay nghề ở mức cao, trình độ tổ chức quản lý, tổ chức sản xuất, quản lý công nợ, quản lý bán hàng... cũng ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động mà nhà đầu tư phải lưu ý khi quyết định đầu tư vào cổ phiếu Công ty.

Rủi ro về giá trị cổ phần có thể ảnh hưởng do quyết toán phần vốn Nhà nước chưa thực hiện xong: Cho đến thời điểm lập bản báo cáo thường niên này, mặc dù APT đã hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần, tuy nhiên thủ tục bàn giao tại giai đoạn chuyển thể vẫn chưa hoàn tất do nhiều nguyên nhân khách quan. Vì vậy, khi hoàn thành thủ tục quyết toán vốn Nhà nước chính thức thì giá trị doanh nghiệp sẽ có sự thay đổi.

Rủi ro về khoản nợ với Ngân hàng Sacombank. Ngân hàng Sacombank đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án Nhân dân Quận Bình Tân để yêu cầu APT thanh toán toàn bộ các khoản nợ.

6.4. Rủi ro khác:

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM.

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	SO SÁNH
				%U' TH2023/ KH2023
		1	2	3=2/1
Tổng Doanh thu	Triệu đồng	416.557	303.258	73%
Doanh thu thuần	Triệu đồng	340.000	250.279	74%
Kim ngạch XK	ngàn USD	8.000	6.805	85%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	5.000	7.094	142%
Lợi nhuận thuần	Triệu đồng	5.000	5.170	103%

(Chỉ tiêu lợi nhuận trên là thuần túy từ kết quả hoạt động kinh doanh, không tính phần phát sinh lỗ của những năm trước đây, lãi phải trả cho Ngân hàng Sacombank và các khoản trích lập dự phòng và hoàn nhập (nếu có)).

2. Đánh giá kết quả thực hiện:

2.1 Thuận lợi.

Quyết tâm của HĐQT và Ban Tổng giám đốc trong việc sắp xếp lại cơ cấu tổ chức, xây dựng mục tiêu sản xuất, kinh doanh rõ ràng đặt trọng tâm vào việc tiết kiệm chi phí, tăng lợi nhuận,

2.2. Khó khăn.

- Thẻ vàng IUU của EU vẫn tiếp tục duy trì. Các rào cản kỹ thuật vào các thị trường xuất khẩu chính của Công ty ngày càng thắt chặt. Sức mua trên thị trường nội địa giảm sút

- Khó khăn nội tại của Công ty vẫn còn như chưa quyết toán xong giai đoạn doanh nghiệp Nhà Nước chuyển sang Công ty Cổ phần, không vay vốn được ngân hàng do còn khoản nợ vay với Ngân hàng Sacombank.

2.3 Đánh giá chung:

Trong năm qua, mặc dù có những khó khăn ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động SXKD, Ban Điều hành Công ty đã hoàn thành tốt kế hoạch được Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 giao.

3. Tổ chức nhân sự:

Danh sách Ban điều hành: Ban Tổng Giám Đốc gồm 02 người bao gồm một Tổng Giám Đốc và 01 Phó Tổng Giám đốc.

- Từ ngày 28/4/2022 đến ngày 31/01/2023 Ông Nguyễn Thành Vinh Thành viên Hội đồng Quản trị-Tổng Giám đốc Công ty.

- Từ ngày 01/02/2023 Bà Đỗ Ngọc Nga Thành viên Hội đồng Quản trị-Tổng Giám đốc Công ty.



3.1. Bà Đỗ Ngọc Nga: Tổng Giám đốc

- Sinh ngày: 10/05/1986.

- Quốc tịch: Việt Nam, giới tính: Nữ.

- Số lượng cổ phiếu đang sở hữu (*Đại diện vốn Công ty cổ phần tập đoàn Somo Việt Nam*): 500.000 cổ phiếu APT, chiếm tỷ lệ 0,057 % trên tổng số 8.800.000 Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn hiện đang lưu hành.

- Trình độ văn hóa: 12/12.

- Trình độ chuyên môn và các văn bằng, chứng chỉ có liên quan: Cử nhân Kế toán Doanh Nghiệp, Cử nhân Luật Thương Mại Quốc Tế, Giám đốc Tài chính, Đang theo học chương trình Thạc sĩ Luật Kinh Tế tại Đại Học Mở TP.HCM

*. Quá trình công tác:

- 2007-7/2008: Kế toán thanh toán kiêm thủ quỹ Công ty Cổ phần AVAFOOD.

- 7/2008-3/2009: Thư ký HĐQT Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Nam.

- 3/2009-6/2010: Phó phòng đầu tư Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Nam.

- 6/2010-6/2011: Phó phòng đầu tư Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đệ Nhất.
- 6/2011-01/2012: Phó phòng đầu tư Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Nam.
- 1/2012-10/2015: Trưởng phòng đầu tư Ngân hàng TM Cổ phần Phương Nam.
- 10/2015- 10/2016: Phó phòng đầu tư Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.
- 1/2015- 8/2017: Giám đốc Tài chính Công ty Cổ phần đầu tư SFC.
- 8/2017- 7/2019: Phó Tổng Giám Đốc kiêm Kế Toán trưởng Công ty Cổ phần đầu tư SFC.
- 7/2019 -2/2021: Phó Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần đầu tư SFC.
- 3/2021-1/2023: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần đầu tư SFC.
- 10/2016-1/2023: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần lương thực Thành phố HCM (Foodcosa).
- 6/2022 đến nay: Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần lương thực Thành phố HCM (Foodcosa).
- 4/2012-4/2017: Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn
- 4/2017-6/2020:Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn.
- 6/2020-4/2021 : Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn.
- 4/2021 – nay Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Kinh doanh thủy hải sản Sài Gòn
- 1/2023-nay Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần tập đoàn Somo Việt Nam.

- Từ ngày 01/02/2023 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn.

3.2. Ông Mai Minh Vương: Phó Tổng Giám đốc

- Sinh ngày: 02/03/1975.

- Quốc tịch: Việt Nam, giới tính: nam.

- Số lượng cổ phiếu đang sở hữu (*đại diện hợp pháp/ đại diện theo ủy quyền của nhóm cổ đông*): 500 Cổ phiếu APT, chiếm tỷ lệ: 0,00568% trên tổng số 8.800.000 Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn hiện đang lưu hành.

- Trình độ văn hóa: 12/12.

- Trình độ chuyên môn và các văn bằng, chứng chỉ có liên quan: Kỹ sư Công nghệ Chế biến Thủy sản, Cử nhân Kinh tế.

* Quá trình công tác:

- Từ tháng 02/2000-2005: Công nhân Tổ tiếp nhận Xưởng chế biến.

- Từ tháng 01/2006-7/2006: Phó Quản đốc Xưởng Đồ hộp thuộc Xí nghiệp Đông lạnh Thăng Lợi.

- Từ tháng 08/2006-09/2009: Phó Quản đốc Xưởng Tân Tạo, Xí nghiệp Đông lạnh Thăng Lợi.

- Từ tháng 10/2009 -09/2011: Quản đốc Xưởng Đông lạnh Thăng Lợi.

- Từ tháng 10/2011 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn.

3.3. Bà Đoàn Thị Thu Hà: Kế Toán trưởng

- Sinh ngày: 03/07/1977.

- Quốc tịch: Việt Nam, giới tính: Nữ.

- Số lượng cổ phiếu đang sở hữu (*đại diện hợp pháp/ đại diện theo ủy quyền của*

nhóm cổ đông): 3.900 Cổ phiếu APT, chiếm tỷ lệ 0,04431% trên tổng số 8.800.000 Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn hiện đang lưu hành.

- Trình độ văn hóa: 12/12.

- Trình độ chuyên môn và các văn bằng, chứng chỉ có liên quan: Cử nhân Kinh tế khoa Kế toán Kiểm toán.

* Quá trình công tác:

- Từ tháng 06/2001-10/2005: Nhân viên kế toán tại Xí nghiệp chế biến thực phẩm thủy sản Bình Thới, trực thuộc Công ty Kinh doanh Thủy hải sản.

- Từ tháng 11/2005-2006: Kế toán trưởng Xí nghiệp chế biến thực phẩm thủy sản Bình Thới.

- Từ tháng 01/2007-8/2009: Tổ trưởng kế toán Phòng Kế toán Công ty APT

- Từ tháng 9/2009-8/2010: Kế toán tổng hợp

- Từ tháng 9/2010-2015: Phó phòng Kế toán Tài chính

- Từ tháng 1/2016 đến nay: Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Kế toán Tài chính Công ty.

- Những thay đổi trong Ban điều hành: Không có

3.4 Số lượng Người lao động. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với Người lao động.

Tổng số lao động Công ty tính đến thời điểm 31/12/2023 là 253 người, trong đó:

STT	Phân loại hợp đồng	Số người	Tỷ trọng (%)
I	Phân theo thời hạn hợp đồng:		
1	Hợp đồng lao động không xác định thời hạn	152	60%
2	Hợp đồng lao động xác định thời hạn từ 3 tháng đến 36 tháng	83	32.8%
3	Lao động thời vụ + Thử việc	18	7.2%
II	Phân theo giới tính:		
1	Lao động nam	117	46.2%

STT	Phân loại hợp đồng	Số người	Tỷ trọng (%)
2	Lao động nữ	136	53.8%
III	Phân theo trình độ:		
1	Sau đại học, đại học	40	15.8%
2	Cao đẳng, trung học chuyên nghiệp	23	9.1%
3	CNKT và trình độ khác	190	75.1%

Nguồn: P.TCHC APT

3.4.1 Chế độ làm việc và chính sách lương thưởng, trợ cấp cho Người lao động

** Chính sách đào tạo:*

Đào tạo bên trong: được tổ chức tại Công ty với hình thức đào tạo là ngắn hạn và tập trung. Nội dung đào tạo là nâng bậc tay nghề, quản lý sản xuất, quản lý chất lượng; Đối tượng đào tạo: KCS, cán bộ từ tổ phó trở lên, công nhân.

Đào tạo bên ngoài: Gửi đi đào tạo tại các trường Đại học, Cao đẳng và Trung học chuyên nghiệp; Hình thức đào tạo: dài hạn, ngắn hạn; Nội dung đào tạo: chế biến thủy sản, tài chính kế toán, quản trị kinh doanh, quản lý chất lượng; Đối tượng đào tạo: Cán bộ quản lý, nhân viên các Phòng ban, KCS. Toàn bộ kinh phí đào tạo do Công ty tài trợ.

Đến nay hầu hết cán bộ quản lý tại các Phòng ban, Xưởng đều đã học qua các khóa bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ. Việc đào tạo được tiến hành kết hợp song song với việc tích cực áp dụng hệ thống quản lý chất lượng HACCP, SSOP.

** Chính sách tiền lương, thưởng:*

Tiền lương: Được trả trực tiếp cho người lao động, gồm: Công nhân trực tiếp sản xuất; được trả lương theo sản phẩm làm ra. Cán bộ quản lý, nhân viên văn phòng; được trả lương theo hệ số công việc do Công ty ban hành.

Chế độ ngoài lương chính: Làm thêm giờ, làm thêm ngày chủ nhật, tiền ăn giữa ca, nghỉ phép, nghỉ lễ ... theo Luật lao động.

Thưởng: Công ty áp dụng chính sách thưởng định kỳ vào cuối năm và thưởng đột xuất. Áp dụng đối với các trường hợp có thành tích xuất sắc trong sáng kiến cải tiến kỹ thuật, tiết kiệm, mức thưởng căn cứ vào thành tích và hiệu quả mang lại.

** Chính sách trợ cấp:*

Công ty trợ cấp đột xuất cho các trường hợp người lao động bị bệnh hiểm nghèo, tai nạn lao động, thiên tai hỏa hoạn, Công ty xét trợ cấp trên cơ sở đề nghị của Ban Chấp hành Công đoàn.

4. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

4.1. Các khoản đầu tư lớn:

Công ty tiếp tục theo dõi, quản lý việc đầu tư vốn vào Công ty TNHH Chăn nuôi Somo Farm Tân Biên.

Đến thời điểm hiện nay, về cơ bản Công ty TNHH Chăn nuôi Somo Farm Tân Biên đã hoàn tất thủ tục pháp lý xin đầu tư **“Xây dựng trang trại nuôi heo theo mô hình trại lạnh khép kín”**. Dự án đang đi đúng mục đích ban đầu, đúng chủ trương của UBND Tỉnh Tây Ninh. Hồ sơ dự án của Công ty đã được Sở Kế hoạch đầu tư Tỉnh Tây Ninh thẩm định và chấp thuận (BC thẩm định số 205/BC-SKHĐT ngày 02/7/2021). Tuy nhiên, đến nay Công ty Somo Farm Tân Biên chưa hoàn thiện xong các thủ tục pháp lý để chuyển tên khu đất và dự án từ cá nhân sang tên Công ty và chưa triển khai các bước kế tiếp của dự án sau khi được UBND Tỉnh chấp thuận do các khó khăn về vốn do Ngân hàng siết chặt tín dụng, thị trường chăn nuôi heo đang trong tình trạng khủng hoảng, các thành viên góp vốn không có nguồn tiền để đầu tư tiếp vào giai đoạn 2. Dự kiến sắp tới đây Công ty Cổ phần tập đoàn Somo Việt Nam (hiện là cổ đông lớn của APT) đã tiến hành thoái vốn tại Somo Farm Tân Biên. Hiện Ban Tổng giám đốc đang xem xét các phương án thoái vốn theo chỉ đạo của Hội đồng Quản trị để bảo đảm an toàn nguồn vốn của Công ty đã góp.

4.2. Các Công ty con, Công ty liên kết:

Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết:
Không có.

5. Tình hình tài chính

5.1. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu/ <i>Financial Figure</i>	Năm 2022	Năm 2023	% tăng giảm/
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng</i>			
Tổng giá trị tài sản	161.321.365.315	170.305.296.570	106%
Doanh thu thuần	250.011.739.944	246.810.003.439	99%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(142.046.909.295)	(136.225.013.271)	96%
Lợi nhuận khác	1.051.985.755	270.145.647	26%
Lợi nhuận trước thuế	(140.994.923.540)	(135.954.867.624)	96%
Lợi nhuận sau thuế	(140.994.923.540)	(135.954.867.624)	96%

5.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm	Năm	Ghi chú
	2022	2023	
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/ <i>Current ratio</i> :	0,07	0,07	
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh:	0,04	0,05	
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u>			

Chỉ tiêu	Năm	Năm	Ghi chú
Nợ ngắn hạn			
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	8,00	8,43	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	(1,06)	(1,12)	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho	5,30	5,78	
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân.			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,55	1,45	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	(0,56)	(0,55)	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,12	0,11	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	(0,87)	(0,80)	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	(0,57)	(0,55)	

6. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

6.1. Cổ phần: 8.800.000 cổ phần trong đó không có cổ phần hạn chế chuyển nhượng, tất cả số cổ phần trên đều là cổ phần phổ thông.

6.2. Cơ cấu cổ đông: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác.

Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/12/2023

Danh mục	Trong nước		Nước ngoài		Tổng cộng	
	Số cổ phần	%	Số cổ phần	%	Số cổ phần	%
Vốn nhà nước do Tổng công ty Thương mại Sài Gòn – Satra làm đại diện	2.640.198	30,00	Không có		2.640.198	30,00
Công ty Cổ phần tập đoàn Somo Việt Nam (cổ đông lớn)	3.616.102	41,09			3.616.102	41,09
Cổ đông nội bộ (04 người)	5.400	0,06			5.400	0,06
Cổ đông khác (433 người)	2.538.300	28,85			2.538.300	28,85
Tổng cộng	8.800.000	100,00	-	-	8.800.000	100

6.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

6.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

6.5. Các chứng khoán khác: Không có.

7. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.

7.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: 6,150.6 tấn.

7.2. Tiêu thụ năng lượng:

Năng lượng tiêu thụ điện trực tiếp và gián tiếp: 6.415.000 KWh

7.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

32.000 m³.

7.3.1. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

- Nước cấp KCN Tân Tạo: 26.000 m³

- Nước giếng: 7.000m³

7.3.2. Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng

7.4. *Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường*

7.4.1. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

7.4.2. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty).

1. Công tác điều hành chung.

Mặc dù có những khó khăn thách thức nhưng Ban Điều hành Công ty đã tận dụng những ưu điểm, những thuận lợi, khắc phục mọi khó khăn để thực hiện công tác điều hành Công ty đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch SXKD đã được Đại hội đồng cổ đông giao hàng năm.

- Ban Điều hành Công ty luôn tìm giải pháp để tháo gỡ, định hướng đúng đắn để chuyển đổi cơ cấu sản xuất, đa dạng hóa sản phẩm phát triển thị trường và thương hiệu APT; tăng cường hợp tác với những khách hàng tiềm năng, đồng thời mở rộng thêm một số thị trường trong nước và xuất khẩu; Từng bước xây dựng và ngày càng phát triển về hình ảnh thương hiệu; thực hiện đạt chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị.

- Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn tích lũy để đầu tư xây dựng mới một số hạng mục về trang thiết bị, máy móc, nhà Xưởng để tăng năng lực sản xuất, đảm bảo tính cạnh tranh,...

- Cơ bản thực hiện công tác quyết toán giai đoạn chuyển thể doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty cổ phần sau khi có Biên bản chính thức của Kiểm toán Nhà nước KV VIII ngày 26/5/2020 và công văn số 145/KV VIII-TH ngày 30/06/2022 của Kiểm toán Nhà nước KV VIII về việc trả lời kiến nghị của Công ty APT, với số tiền phải

nộp về ngân sách Nhà nước là **28.258.592.313** đồng. Ban Điều hành đã cùng Satra tiếp tục thực hiện các giải trình, kiến nghị, đề nghị UBND Thành phố và Kiểm toán Nhà nước xem xét, sớm giải quyết nhưng vẫn chưa có kết quả.

- Chấp hành đúng qui định về công bố thông tin đối với Công ty Đại chúng. Báo cáo tài chính, báo cáo quản trị, báo cáo thường niên, ... được công bố kịp thời, đăng tải đầy đủ trên website Công ty, Cổ phiếu đăng ký giao dịch tập trung (Upcom) tạo điều kiện cổ đông nắm được thông tin cổ phiếu,...; Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước theo luật định.

- Quan tâm đến đời sống, tinh thần, tạo môi trường làm việc tốt cho Người lao động. Hàng năm thực hiện điều chỉnh tăng lương từ 5-10% cho Người lao động toàn Công ty, đảm bảo tiền lương năm sau cao hơn năm trước; Luôn tạo mọi điều kiện để các Đoàn thể, Người lao động thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, được tham gia các hoạt động phong trào của Công ty, tạo sự đồng thuận, đoàn kết, nhất trí trong toàn Công ty; Thực hiện đầy đủ các chính sách về an sinh xã hội cho người lao động.

1.1 Công tác điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh.

1.1.1. Kết quả hoạt động của Khối Kinh doanh.

a. Kết quả hoạt động của Phòng Kinh doanh Xuất khẩu.

Công ty APT vẫn là Doanh nghiệp có kinh nghiệm và có một vị thế nhất định đối với ngành hàng thủy hải sản đông lạnh. APT có thế mạnh về mặt hàng cá nước ngọt với quy trình khép kín từ nuôi – chế biến – đảm bảo chất lượng xuất khẩu, nắm bắt kịp thời tình hình nguyên liệu, tìm kiếm nguồn hàng phù hợp, bảo đảm sản lượng cũng như chất lượng hàng hóa, giá cạnh tranh,... Nên nhiều năm qua APT duy trì được các khách hàng truyền thống tại thị trường EU, Hàn Quốc, Nhật Bản, Úc, HongKong,...

- Kim ngạch năm 2023 đạt 6,982 triệu USD - Đạt 92% kế hoạch năm 2023.

- Thương hiệu, sản phẩm cũng như chất lượng hàng hóa của Công ty tại một số thị trường nước ngoài ngày càng được ưa chuộng, đặc biệt là thị trường Hàn Quốc.

Hoạt động xuất khẩu có những kết quả nhất định, là nỗ lực lớn của Ban Điều

hành, Công ty phải vượt qua không ít khó khăn để đạt được kết quả trên do nguồn nguyên liệu cá biển ngày càng khan hiếm, một số mặt hàng cá nuôi, nông sản thì không đạt tiêu chuẩn, giá nguyên liệu tăng liên tục, các nước nhập khẩu ngày càng tăng cường kiểm tra về chất lượng sản phẩm,... khách hàng yêu cầu chất lượng ngày càng cao và rào cản kỹ thuật quá chặt chẽ nên tình hình xuất khẩu ngày càng nhiều áp lực.

b. Kết quả hoạt động của Phòng Kinh doanh Tươi sống.

Với định hướng chiến lược cung cấp thực phẩm an toàn cho bữa ăn hàng ngày của mỗi gia đình. Công ty đã cung ứng nhiều hàng hóa chất lượng cho thị trường, thực hiện giải pháp chuyển đổi cơ cấu doanh thu phù hợp, phát triển đối với mặt hàng thủy hải sản khô, thủy hải sản tươi sống. Hiện nay, Công ty APT là một trong những đơn vị cung ứng thực phẩm uy tín cho các tập đoàn bán sỉ, lẻ, các hệ thống siêu thị lớn trong cả nước như chuỗi cửa hàng Satra Foods, Co.op mart, Mega...,... Đặc biệt, Mặt hàng thủy hải sản tươi sống đã có sự tăng trưởng vượt bậc, hiện APT đang cung cấp trên 100 mặt hàng thủy hải sản tươi sống vào hệ thống Satrafoods, Co.op,

Năm 2023, hoạt động kinh doanh tươi sống đạt doanh thu 28,11 tỷ (đạt 73% kế hoạch năm 2023), lợi nhuận 920 triệu đồng, trong đó lợi nhuận đến từ hoạt động cung cấp thủy hải sản tươi sống vào hệ thống siêu thị.

c. Kết quả hoạt động của Phòng Kinh doanh Tổng hợp.

Mặc dù có khó khăn nhưng Công ty cũng đã tham gia tốt chương trình bình ổn giá của Thành phố nhiều năm liền và được Sở Công thương kiểm tra và đánh giá cao những nỗ lực của APT; Công tác truyền thông, xây dựng thương hiệu được thực hiện hiệu quả; Công ty nhận được nhiều giải thưởng, danh hiệu như hàng Việt nam chất lượng cao, sản phẩm dịch vụ tiêu biểu nhiều năm liền, các sản phẩm được công nhận thuộc nhóm sản phẩm chủ lực của Thành phố. Đây là điều kiện để Công ty phát triển thị trường nội địa.

Năm 2023, phòng đạt doanh thu 9,89 tỷ đồng (56% kế hoạch), lợi nhuận 122 triệu đồng (29% kế hoạch).

1.1.2. Kết quả hoạt động của Khối sản xuất.

a. Về hoạt động sản xuất.

Hàng năm, Công ty thực hiện đầu tư sửa chữa, nâng cấp các trang thiết bị, máy móc,...theo kế hoạch được duyệt, định hướng các hạng mục đầu tư nhằm đảm bảo duy trì điều kiện sản xuất đạt tiêu chuẩn xuất khẩu vào thị trường Châu Âu, các thị trường khác và an toàn vệ sinh thực phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng trong và ngoài nước, tạo uy tín thu hút khách hàng, xây dựng thương hiệu APT ngày càng phát triển.

Tình hình hoạt động sản xuất nhiều năm qua rất khó khăn do nguồn nguyên liệu khan hiếm, giá nguyên liệu tăng cao nên sản lượng về Xưởng sản xuất rất ít, có thời điểm thiếu nguyên liệu sản xuất; Một số khách hàng gia công lớn của Công ty cũng không mua được nguyên liệu để đưa vào sản xuất; Sản lượng hàng nông sản như sầu riêng, mít, khoai môn,...ngày càng giảm do thương lái Trung Quốc tranh mua và đẩy giá nguyên liệu lên cao nên một số khách hàng nông sản đã giảm sản lượng do không cạnh tranh lại,... Công ty đã tăng cường công tác quản lý, đa dạng hóa mặt hàng nội bộ để ổn định hoạt động sản xuất, đảm bảo công việc làm ổn định cho Người lao động, đảm bảo chi phí tiền lương, chi phí khấu hao và các chi phí quản lý khác có liên quan.

Năm 2023, doanh thu thuần hoạt động sản xuất là 27,19 tỷ đồng (đạt 106% kế hoạch), hiệu quả đạt 4,6 tỷ đồng (97% kế hoạch năm 2023).

b. Về hoạt động nuôi trồng.

Duy trì hoạt động tốt công tác nuôi tại Tiền Giang theo tiêu chuẩn **VietGap**, được cấp chứng nhận **“Chuỗi sản phẩm sạch an toàn”** đối với Cơ sở nuôi và sản phẩm **“Cá điêu hồng”**. Đảm bảo chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn xuất khẩu, xây dựng thương hiệu APT có uy tín đối với ngành hàng thủy hải sản tươi sống trên thị trường nội địa. Mặt hàng cá điêu hồng và cá trê là 02 mặt hàng chủ lực cung ứng cho xuất khẩu vào thị trường Hàn Quốc, EU.

Hiện nay, hoạt động nuôi của Công ty có 33 bè cá (15 bè cá điêu hồng tại Ấp Thủy Tây, Xã Ngũ Hiệp, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, 18 bè cá trê tại Ấp Tân An,

Xã Tân Phong, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang). Bình quân 500 tấn/năm.

Hiệu quả hoạt động Nuôi trồng năm 2023 đạt 174 triệu đồng, đạt 47% so với kế hoạch do những nguyên nhân sau:

- Trong điều kiện giá cả đầu vào tăng, hoạt động nuôi không hiệu quả. Tuy nhiên, do yêu cầu đảm bảo nguồn nguyên liệu sạch phục vụ kinh doanh xuất khẩu nên xí nghiệp phải duy trì nuôi các bè cá Trê (kháng sinh). Bè này nuôi toàn bộ bằng cám nên giá thành cao, ước tính lỗ khoảng 70 triệu đồng.

- Đầu năm 2023 giá cám tiếp tục tăng cao, bên cạnh đó do tình hình thời tiết khắc nghiệt ảnh hưởng đến việc nuôi Cá Đìa hồng. Giá nuôi tăng cao làm giảm hiệu quả.

c. Về hoạt động kinh doanh khai thác hợp tác kinh doanh, Kho.

Trong năm qua, nhờ việc sắp xếp tổ chức lại kho bãi để tối ưu hóa việc lưu trữ hàng hóa nên trong năm 2023 đã có lợi nhuận thuần đến từ hoạt động cho thuê kho và cho dịch vụ lưu trữ hàng hóa. Cụ thể doanh thu thuần thực hiện năm 2023 đạt 4.3 tỷ đồng đạt 154% kế hoạch, lợi nhuận đạt 1,05 tỷ đồng.

1.1.3. Kết quả hoạt động của Khối Hỗ trợ.

a. Hoạt động Hợp tác Kinh doanh và Khai thác mặt bằng.

Công tác khai thác mặt bằng năm 2023 gặp nhiều khó khăn khách quan ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động.

Kết quả thực hiện năm 2023: doanh thu 16.344 triệu đồng (98% kế hoạch), lợi nhuận 7.795 triệu đồng (85% kế hoạch), do một số nguyên nhân sau:

+ Ngay từ đầu năm, UBND Thành phố điều chỉnh hệ số giá đất tăng lên 1.5 theo Quyết định 05/2023/QĐ-UBND ngày 17/01/2023 làm tăng tiền thuê đất lên khoảng 2 tỷ đồng. Hiệu quả khai thác giảm khoảng 2 tỷ đồng.

+ Mặt bằng 49 Ông ích Khiêm Quận 11: năm 2023 vẫn chưa khai thác được, do vướng thủ tục hành chính. Hiện mặt bằng này đang bị lỗ 1,4 tỷ đồng trong năm 2023.

+ Mặt bằng 157 Hưng Phú: hoạt động khai thác cũng bị ảnh hưởng do từ tháng 10/2023 UBND Quận 8 đã có lệnh cấm xe tải 2,5 tấn trên tuyến đường đi vào mặt bằng.

+ Các Quầy chợ Bình Điền: kế hoạch 2023 dự kiến tăng doanh thu và hiệu quả 115 triệu, tuy nhiên chưa thực hiện được do tình hình kinh doanh tại chợ còn nhiều khó khăn, nên Ban Điều hành chưa điều chỉnh tăng giá theo kế hoạch.

+ Mặt bằng tại khu Nhà máy Tân Tạo: Hiệu quả khai thác tăng 931 triệu đồng so với kế hoạch. Do trong năm 2023, Ban Điều hành Công ty đã sắp xếp bố trí dây

chuyên sản xuất phù hợp với năng lực thực tế, tận dụng nhà xưởng để cho thuê tại mặt bằng Nhà máy Tân Tạo.

Về cơ bản, những năm qua Công ty đã khai thác triệt để và có hiệu quả các dịch vụ về kho bãi, lưu trữ hàng đông lạnh xuất khẩu, hợp tác kinh doanh tại các mặt bằng Công ty đang quản lý.

b. Hoạt động của Khối Văn phòng.

Trong năm 2023, Ban Điều hành đã tìm mọi giải pháp sử dụng vốn có hiệu quả, tăng vòng quay hàng tồn kho và quản lý tốt công nợ, chi phí. Cân đối các nguồn thu chi để tạo ra nguồn thu nhập tài chính là 3.895 triệu đồng, bao gồm: lãi tiền gửi Ngân hàng (2.546 triệu đồng), lãi chênh lệch tỷ giá (1.349 triệu đồng).

Tuy nhiên, do cơ sở hạ tầng xuống cấp trầm trọng, một số khu vực phải cải tạo để phục vụ sản xuất kinh doanh nên làm phát sinh chi phí, ảnh hưởng đến hiệu quả chung.

1.1.4. Về công tác quản lý chất lượng:

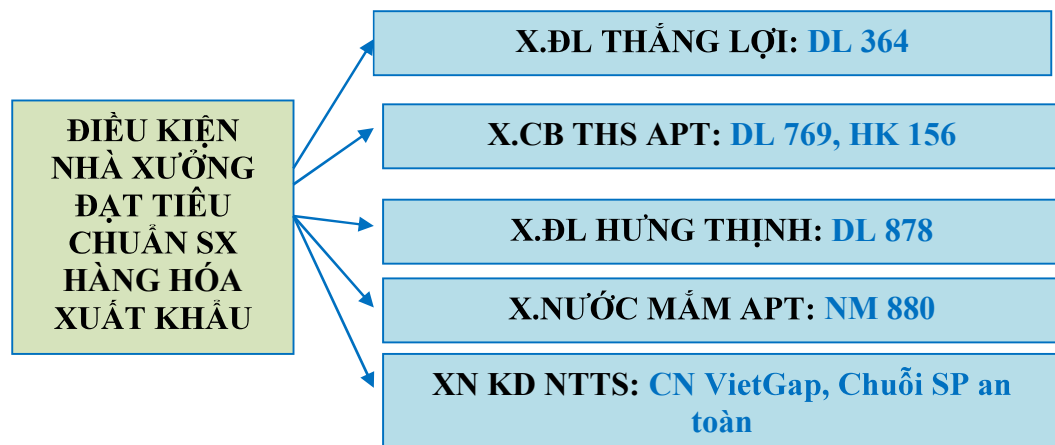
Với phương châm phát triển bền vững, luôn xem chất lượng hàng hóa là uy tín, mang tính cạnh tranh, nên chất lượng hàng hóa luôn được Công ty quan tâm duy trì. Qua các đợt kiểm tra trong năm của các cơ quan chức năng, các Xưởng sản xuất của Công ty đều đảm bảo điều kiện về an toàn vệ sinh trong chế biến thủy sản theo tiêu chuẩn ngành thủy sản và tiêu chuẩn quốc tế.

Đảm bảo điều kiện sản xuất đối với các trang thiết bị, máy móc, công cụ dụng cụ,... luôn được quan tâm đầu tư sửa chữa thường xuyên, đảm bảo tiêu chuẩn xuất khẩu vào thị trường Châu Âu và các thị trường khác. Với cơ sở vật chất cơ bản hoàn chỉnh, điều kiện sản xuất đảm bảo theo tiêu chuẩn HACCP, HALAL, BRCGs, và đạt code xuất khẩu EU (03 code xuất khẩu thủy hải sản hàng đông lạnh, chế biến DL 364, 769, 878; 01 code xuất khẩu nước mắm NM 880; 01 code xuất khẩu thủy sản khô HK 156).

Thực hiện tốt công tác kiểm tra giám sát vệ sinh, an toàn thực phẩm trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, nhằm giữ ổn định và nâng cao chất lượng sản phẩm của Công ty cung cấp ra thị trường nội địa và xuất khẩu.

Phát triển nhiều sản phẩm mới chất lượng phục vụ cho xuất khẩu và nội địa như chả cá thát lát, chả cá viên, tôm viên, mực viên,...

Các Code Xuất khẩu hiện có của Công ty.



1.1.5 Tình hình thực hiện sửa chữa duy tu, mua sắm thiết bị

Công ty đã thực hiện đúng chương trình đầu tư theo kế hoạch đã được duyệt. Cụ thể:

- Kế hoạch được duyệt: 9,102 tỷ
- Thực hiện trong năm: 9,015 tỷ đạt 99% kế hoạch

Công tác đầu tư, sửa chữa định kỳ, cũng như các công trình xây dựng mới khi đưa vào khai thác đảm bảo tiêu chuẩn về các điều kiện xuất khẩu, đem lại những kết quả nhất định: Đạt tiêu chuẩn HACCP, BRCGs, HALAL,... Duy trì được các code xuất khẩu DL 364 (Xưởng ĐL Thăng Lợi), DL 769 (Xưởng chế biến thực phẩm THS APT), HK156 (Xưởng chế biến Bình Thới) và năm 2018 được cấp thêm 02 Code xuất khẩu DL 878 (Xưởng ĐL Hưng Thịnh), NM 880 (Xưởng Nước mắm APT). Điều kiện nuôi theo tiêu chuẩn Vietgap, đạt tiêu chuẩn xuất khẩu.

1.1.6. Công tác tổ chức.

Ban Điều hành sử dụng tối đa nguồn nhân lực, kịp thời điều chỉnh cơ cấu tổ chức, nhân sự cho phù hợp với từng vị trí, năng lực công tác, nâng vai trò trách nhiệm, năng lực của cán bộ quản lý, đáp ứng yêu cầu trong mọi thời điểm; Định biên nhân sự của từng Phòng, Đơn vị đảm bảo năng suất lao động cao; Quan tâm công tác đào tạo cán bộ quản lý nhằm chuẩn bị nguồn cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ lâu dài, tạo nguồn cho HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty thực hiện công tác quy hoạch, bổ nhiệm, bố trí nhân sự phù hợp khi cần thiết.

Hệ thống các quy định, quy chế quản lý nội bộ luôn được sửa đổi, bổ sung kịp

thời phù hợp với pháp luật hiện hành; Cập nhật, bổ sung hoàn chỉnh hệ thống thang bảng lương đóng bảo hiểm theo quy định mới, đảm bảo thực hiện các chế độ chính sách theo đúng quy định của pháp luật.

Công tác PCCC và Phòng chống bão lũ luôn được quan tâm và thường xuyên triển khai thực hiện. Thông qua các Đoàn thể, thực hiện công tác tuyên truyền, giáo dục ý thức NLĐ về an toàn – vệ sinh lao động – phòng chống cháy nổ, trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động, các phương tiện phòng chống cháy nổ, xây dựng đầy đủ nội quy, quy định về an toàn lao động, vệ sinh lao động.

Sau Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023, Công ty đã hoàn tất việc xây dựng lại mô hình tổ chức theo 3 Khối (Khối Hỗ trợ, Khối Kinh doanh và Khối sản xuất), xây dựng hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định, mẫu biểu báo cáo... nâng cao hiệu quả quản lý.

Các khối cũng xây dựng mô hình và quy chế hoạt động riêng, tinh gọn bộ máy để kinh doanh hiệu quả.

1.1.7. Công tác phối hợp Đoàn thể - Chăm lo đời sống.

Chính quyền và Công đoàn phối hợp triển khai thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở; Tổ chức thành công Hội nghị người lao động năm 2023. Thông qua Hội nghị NLĐ, đối thoại định kỳ, Lãnh đạo Công ty đã giải đáp thỏa đáng các ý kiến đóng góp của người lao động, không có đơn thư, khiếu kiện của người lao động.

Song song với công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, Ban điều hành Công ty đã tạo điều kiện để Đoàn thể phát động các phong trào thi đua, thực hiện những chính sách chăm lo đời sống, vật chất cho Người lao động thông qua nhiều hình thức khác nhau *(nhiều năm qua do lỗ lũy kế nên Công ty không trích được nguồn quỹ phúc lợi để chăm lo cho NLĐ. Tuy nhiên, với truyền thống đoàn kết – yêu thương – trách nhiệm, cũng như để người lao động an tâm gắn bó với Công ty. Ban Điều hành Công ty đã phối hợp cùng Công đoàn thực hiện vận động HDQT, Ban Điều hành, Cán bộ quản lý và khách hàng thân thiết đóng góp chăm lo cho NLĐ vui Xuân, đón Tết hàng năm và các trường hợp đột xuất).*

Tạo điều kiện cho Công đoàn tổ chức các sân chơi bổ ích, phù hợp cho Người Lao động. Về cơ bản, điều kiện của người lao động đã được cải thiện rất tốt qua từng năm, môi trường làm việc đảm bảo để người lao động an tâm công tác.

1.2. Tình hình tài chính & công nợ

Công tác quản lý tài chính đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định; Thực hiện kiểm soát, quản lý chặt chẽ công nợ, cân đối và sử dụng mọi nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh hợp lý và hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn; Quản lý chặt chẽ chi tiêu, tiết kiệm chi phí sản xuất và kinh doanh; Giám sát chặt chẽ các đơn vị sử dụng vốn lưu động, hàng hóa tồn kho, hàng hóa luân chuyển, công nợ....;

Do điều kiện về tài chính, nợ ngân hàng, lỗ lũy kế kéo dài nên Công ty không tiếp cận được các nguồn vốn vay. Nguồn vốn chủ yếu để duy trì hoạt động SXKD, đảm bảo công ăn việc làm cho người lao động là nguồn vốn tích lũy từ hiệu quả SXKD và khấu hao hàng năm.

Theo Báo cáo Tài chính năm 2023 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC, tính đến ngày **31/12/2023**, Công ty đang lỗ lũy kế là 1.354,5 tỷ đồng làm âm nguồn vốn chủ sở hữu 1.264,7 tỷ đồng.

Khoản lỗ lũy kế 1.354,5 tỷ đồng tại thời điểm 31/12/2023 bao gồm:

Lỗ lũy kế trước năm 2010	- 194,7 tỷ đồng
Lỗ phát sinh từ năm 2010-2023:	- 1.159,8 tỷ đồng
Trong đó:	
+ Lãi phải trả NH Phương Nam (Sacombank):	- 606,1 tỷ đồng
+ Chênh lệch tỷ giá khoản vay vàng:	- 564,5 tỷ đồng
+ Xử lý, trích lập và hoàn nhập tồn tại cũ:	- 50,5 tỷ đồng
+ Lãi từ hoạt động SXKD từ năm 2010 đến 2023:	61,3 tỷ đồng

Về khoản lãi vay phải trả Ngân hàng TMCP Sacombank (Ngân hàng TMCP Phương Nam): Công ty APT vay vốn Ngân hàng từ tháng 1/2009, đến nay đã quá hạn thanh toán nhưng Công ty không có khả năng thanh toán. Hàng năm, Công ty vẫn trích lãi vay phải trả và đánh giá lại khoản vay vàng theo quy định và hạch toán vào lỗ lũy

kế dẫn đến lỗ lũy kế tăng dần hàng năm.

Như vậy, khoản lỗ lũy kế trên Báo cáo Tài chính năm 2023 thực chất là khoản lỗ do phát sinh khoản lãi vay phải trả Ngân hàng TMCP Sacombank (Ngân hàng TMCP Phương Nam) và xử lý dự phòng công nợ, hàng tồn kho... của những năm trước đó. **Điều này dẫn đến Công ty đang bị âm vốn chủ sở hữu và tình hình tài chính mất cân đối.**

1.2.1 Đối với công nợ phải thu:

Tính đến ngày 31/12/2023, nợ phải thu khó đòi còn lại gần **110 tỷ đồng**. Khoản công nợ khó đòi trên phát sinh từ năm 2009 trở về trước, đã được trích lập dự phòng 100% và đã khởi kiện ra TAND, Thi hành án yêu cầu thanh toán nợ.

1.2.2 Đối với công nợ phải trả:

Theo Báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty APT và Báo cáo của Kiểm toán Nhà nước về quyết toán chuyển thể. Đến thời điểm 31/12/2023, số liệu nợ phải trả quá hạn kéo dài chưa cân đối được nguồn tiền để thanh toán **1.428 tỷ đồng**:

- Phải trả Tổng cty TM Sài Gòn-TNHH MTV lãi vay vốn: 24,8 tỷ đồng
- Phải trả nợ quá hạn NH TMCP Sài Gòn Thương Tín: 1.375,0 tỷ đồng
- Phải nộp NSNN theo Báo cáo KTNN về quyết toán chuyển thể: 28,2 tỷ đồng

Đối với khoản nợ Ngân hàng Sacombank 1.375 tỷ đồng: Các giải pháp xử lý nợ trước đây như chuyển nợ vay thành vốn góp điều lệ, phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ nhằm thực hiện việc tái cấu trúc Công ty theo chỉ đạo của UBND Thành phố đã được Đại hội cổ đông Công ty thông qua nhiều năm và theo chỉ đạo của HĐQT, Ban Điều hành Công ty đã xây dựng thành các phương án để đàm phán với Ngân hàng nhưng không thể thực hiện được do cơ chế pháp lý. Năm 2023 Ngân hàng Sacombank đã nộp đơn khởi kiện Công ty tại Tòa án nhân dân Quận Bình Tân. Hiện nay, Công ty đang đề xuất phương án hai bên cùng tìm kiếm nhà đầu tư mua lại khoản nợ vay này.

Đối với khoản công nợ phải trả Tổng công ty TM Sài Gòn TNHH MTV: Theo số liệu trong giai đoạn đối chiếu, hoàn tất hồ sơ quyết toán giai đoạn Nhà nước, APT còn khoản công nợ phải trả SATRA là **24,8 tỷ đồng**, đây là khoản lãi vay phát sinh do Công ty vay vốn kinh doanh trước đây.

Công ty APT cũng đã có văn bản đề nghị Satra xem xét chính sách miễn, giảm khoản lãi này vì hiện nay Công ty không còn khả năng thanh toán các khoản nợ quá hạn vì đang gặp khó khăn rất lớn về vốn lưu động để kinh doanh.

Ngoài ra, còn khoản nợ phải nộp trả ngân sách Nhà nước sau khi quyết toán giai đoạn Doanh nghiệp Nhà nước là 28,259 tỷ đồng, bao gồm:

Theo báo cáo tài chính đến thời điểm 31/12/2023, Công ty phải nộp NSNN số tiền **11.267.612.814 đồng**. Tuy nhiên, Biên bản chính thức ngày 26/5/2020 và công văn số 145/KV VIII-TH ngày 30/06/2022 của Kiểm toán Nhà nước KV VIII, Công ty APT phải nộp về ngân sách Nhà nước số tiền là **28,259 tỷ đồng** (giảm 1,126 tỷ đồng so với số liệu KTNN đề nghị thu tại Báo cáo kiểm toán ngày 26/2/2020). Bao gồm:

- Phải nộp NSNN Thành phố Hồ Chí Minh các khoản thu từ cổ phần hóa do Kiểm toán Nhà nước xác định vốn nhà nước tăng thêm tại thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần là 14.668.67.040 đồng.

- Phải nộp NSNN Thành phố Hồ Chí Minh các khoản thu từ cổ phần hóa theo Biên bản kiểm tra báo cáo tài chính tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần do SATRA lập ngày 28/08/2018 là 3.215.602.398 đồng.

- Phải nộp về SATRA khoản lợi nhuận tăng thêm theo kết quả của Kiểm toán Nhà nước giai đoạn từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần số tiền là 10.374.316.875đ đồng

Trên cơ sở số liệu theo Kết luận Kiểm toán, Ban Điều hành Công ty đã cùng Satra tiếp tục hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân và các Sở ban ngành phê duyệt quyết toán chuyển thể.

Trong quá trình thực hiện, Ban Điều hành đã kịp thời báo cáo và xin ý kiến

HĐQT, tiếp tục gửi văn bản trình UBND TP xem xét không thu hồi số tiền này. Trong trường hợp không được xem xét, Ban Điều hành sẽ tham mưu phương án về lộ trình nộp trả ngân sách Nhà nước trình UB tiếp tục xem xét.

Điều kiện về tình hình tài chính của Công ty APT vẫn còn quá nhiều khó khăn, nguồn vốn kinh doanh hạn hẹp nhưng vẫn phải tiếp tục duy trì hoạt động SXKD, ổn định công việc làm cho gần 500 lao động trong những năm qua là một nỗ lực không ngừng của HĐQT, Ban Điều hành và Người lao động Công ty. Việc phải thanh toán các khoản phải trả ngân sách Nhà nước, nợ lãi cho Satra và các khoản nợ phải trả đã quá hạn Ngân hàng Sacombank đối với Công ty APT là rất khó thực hiện, nằm ngoài khả năng Công ty. Nếu không có giải pháp tài chính phù hợp sẽ làm ảnh hưởng dẫn đến ngừng trệ mọi hoạt động của Công ty, làm cho hàng trăm người lao động sẽ mất công ăn việc làm gây bất ổn xã hội.

IV. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)

1. Công tác kế hoạch đầu tư:

Công ty mạnh dạn đầu tư, nâng cấp và bổ sung máy móc, nhà xưởng bảo đảm duy trì điều kiện sản xuất đạt tiêu chuẩn code châu Âu và an toàn vệ sinh thực phẩm. Định hướng đúng đắn để chuyển đổi cơ cấu sản xuất, đa dạng hóa sản phẩm nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng trong và ngoài nước, tạo uy tín thu hút khách hàng, xây dựng thương hiệu APT ngày càng phát triển.

- Trong năm tài chính 2023, Công ty chưa thực hiện hết chương trình đầu tư theo kế hoạch đã được duyệt do gặp khó khăn.

- Trong năm 2023, Công ty đã được Hội đồng Quản trị duyệt kế hoạch đầu tư sửa chữa cơ sở hạ tầng, mua sắm & sửa chữa máy móc thiết bị với số tiền là **9.102 triệu đồng** và Công ty đã thực hiện **9.015 tỷ đồng** – 99%/KH.

2. Về công tác khởi kiện, thu hồi công nợ, giải quyết khoản nợ vay Ngân Hàng Sacombank (Ngân hàng Phương Nam trước đây).

2.1 Công tác khởi kiện, thu hồi công nợ:

Trong năm, Công ty đã thu hồi được 2 khoản công nợ khó đòi với tổng số tiền là 1,376 tỷ đồng

Với mọi giải pháp và nỗ lực, trong năm 2023 Ban Điều hành Công ty tiếp tục đeo bám để giải quyết các hồ sơ đã khởi kiện, đang thi hành án, các vụ việc đang thi hành án có khả năng thu nợ rất thấp do những người phải thi hành án không còn tài sản hoặc không có khả năng trả nợ, có trường hợp người nợ đã qua đời không để lại di sản thừa kế. Đối với các vụ việc người phải thi hành án có tài sản nhưng tài sản đã thế chấp cho Ngân hàng để bảo đảm vay nên các tài sản này phải được ưu tiên khi thanh lý trả cho các khoản vay của ngân hàng, sau khi đã trả xong cho ngân hàng thì mới đến các chủ nợ khác. Mặt khác, thường các khoản vay ngân hàng của các bị đơn thường cao hơn giá trị hiện tại của các tài sản bảo đảm nên rất khó để thanh toán số tiền còn nợ cho Công ty.

2.2 Công tác giải quyết công nợ quá hạn phải trả.

Đối với khoản nợ Ngân hàng Sacombank 1.375 tỷ đồng: Các giải pháp xử lý nợ trước đây như chuyển nợ vay thành vốn góp điều lệ, phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ nhằm thực hiện việc tái cấu trúc Công ty theo chỉ đạo của UBND Thành phố đã được Đại hội cổ đông Công ty thông qua nhiều năm và theo chỉ đạo của HĐQT, Ban Điều hành Công ty đã xây dựng thành các phương án để đàm phán với Ngân hàng nhưng không thể thực hiện được do cơ chế pháp lý. Năm 2022 Ngân hàng Sacombank đã nộp đơn khởi kiện Công ty tại Tòa án nhân dân Quận Bình Tân. Hiện nay, Công ty đang đề xuất phương án hai bên cùng tìm kiếm nhà đầu tư mua lại khoản nợ vay này.

Đối với khoản công nợ phải trả Tổng công ty TM Sài Gòn TNHH MTV: Theo số liệu trong giai đoạn đối chiếu, hoàn tất hồ sơ quyết toán giai đoạn Nhà nước, APT còn khoản công nợ phải trả SATRA là **24,8 tỷ đồng**, đây là khoản lãi vay phát sinh do Công ty vay vốn kinh doanh trước đây.

Công ty APT cũng đã có văn bản đề nghị Satra xem xét chính sách miễn, giảm khoản lãi này vì hiện nay Công ty không còn khả năng thanh toán các khoản nợ quá hạn vì đang gặp khó khăn rất lớn về vốn lưu động để kinh doanh.

+ Đối với khoản nợ khoản nợ phải nộp trả ngân sách Nhà nước sau khi quyết toán giai đoạn Doanh nghiệp Nhà nước là 28,259 tỷ đồng

Hội đồng Quản trị đã có công văn gửi Ủy ban nhân dân Thành phố và các ban ngành kiến nghị xin lộ trình nộp trả ngân sách Nhà nước.

Điều kiện về tình hình tài chính của Công ty APT vẫn còn quá nhiều khó khăn, nguồn vốn kinh doanh hạn hẹp nhưng vẫn phải tiếp tục duy trì hoạt động SXKD, ổn định công việc làm cho gần 300 lao động trong những năm qua là một nỗ lực không ngừng của HĐQT, Ban Điều hành và Người lao động Công ty. Việc phải thanh toán các khoản phải trả ngân sách Nhà nước, nợ lãi cho Satra và các khoản nợ phải trả đã quá hạn Ngân hàng Sacombank đối với Công ty APT là rất khó thực hiện, nằm ngoài khả năng Công ty. Nếu không có giải pháp tài chính phù hợp sẽ làm ảnh hưởng dẫn đến ngừng trệ mọi hoạt động của Công ty, làm cho hàng trăm người lao động sẽ mất công ăn việc làm gây bất ổn xã hội.

3. Đánh giá về Ban Tổng Giám đốc.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện đúng các chủ trương, Nghị quyết của Hội đồng Quản trị Công ty đề ra, đã có nhiều cố gắng điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty, hoàn thành được chỉ tiêu kế hoạch năm 2023.

Tổng Giám đốc và các thành viên điều hành của Công ty đã tuân thủ và thực hiện nghiêm túc các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên, nghị quyết Hội đồng Quản trị, ổn định tình hình sản xuất kinh doanh, chăm lo tốt đời sống người lao động, không để xảy ra các cuộc đình công. Ban Tổng Giám đốc đã thường xuyên báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo các vấn đề đột xuất xảy ra trong Công ty để Hội đồng Quản trị nắm bắt và có chỉ đạo kịp thời.

4. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị:

- Chỉ đạo, thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội đồng thường niên năm 2023.

- Lãnh đạo Ban Điều hành phối hợp với chủ sở hữu vốn Nhà nước sớm hoàn tất thủ tục quyết toán chuyển thể giai đoạn Doanh nghiệp Nhà nước và xây dựng lộ trình nộp Ngân sách Nhà Nước.

- Nhanh chóng hoàn thiện mô hình quản lý mới để phù hợp với tình hình quản lý thực tế hiện nay của Công ty theo hướng tinh gọn, hiệu quả và khắc phục nhanh các nhược điểm hiện nay trong công tác quản lý nhất là bộ phận quản lý gián tiếp của Công ty hiện nay.

- Tăng cường công tác giám sát tất cả các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bảo đảm các số liệu được cập nhật liên tục, đồng bộ nhất quán giúp HĐQT cập nhật kịp thời thông tin, có định hướng chỉ đạo nhanh chóng ngăn chặn các rủi ro tiềm ẩn cho Công ty.

- Tìm kiếm các phương án, giải pháp để xử lý khoản nợ vay với Ngân hàng Sacombank (Ngân hàng Phương Nam trước đây), hoàn trả ngân sách Nhà nước theo kết luận của Kiểm toán Nhà Nước sau khi quyết toán giai đoạn Doanh nghiệp Nhà Nước, xử lý nợ với Tổng Công ty TM Sài Gòn TNHH MTV./.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1. Hội đồng Quản trị:

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Quản trị:



Sau Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023, các thành viên HĐQT nhiệm kỳ IV (2022-2027) được bầu theo danh sách như sau:

1. Ông Nguyễn Lâm Vinh Huy - Chủ tịch HĐQT.

- Thành viên không điều hành.

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 24,05% (Người Đại diện vốn Công ty Cổ phần tập đoàn Somo Việt Nam)..

2. Ông Nguyễn Thành Vinh - Thành viên HĐQT

Giữ chức vụ Tổng giám đốc.từ ngày 28/4/2022 đến 31/01/2023

Giữ chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT từ ngày 01/02/2023.

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:1.936.000 Cổ phần (Đại diện vốn Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn TNHH MTV) chiếm tỷ lệ 22 %.và 400 Cổ phần sở hữu cá nhân.

3. Bà Đỗ Ngọc Nga -Thành viên HĐQT

Giữ chức vụ Tổng giám đốc.từ ngày 01/02/2023.

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,057 % (Người Đại diện vốn Công ty Cổ phần tập đoàn Somo Việt Nam)..

1.2. Hoạt động của Hội đồng Quản trị:

+ Hội đồng Quản trị Công ty nhiệm kỳ IV (2022- 2027) được Đại hội Cổ đông thường niên năm 2023 bầu ra ngày 28/4/2023 gồm 03 thành viên, trong đó có 02 thành viên không trực tiếp điều hành.

+ Tại đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022. Hội đồng Quản trị Công ty đã họp phiên đầu tiên và bầu Ông Nguyễn Lâm Vinh Huy giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Vào ngày 06/01/2023 Hội đồng Quản trị đã bầu Ông Nguyễn Thành Vinh Thành viên Hội đồng Quản trị giữ chức Phó chủ tịch Hội đồng Quản trị chuyên trách.

1.3. Kết quả thi hành nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông năm 2023

Nghị quyết năm	Nội dung chính	Kết quả	Ghi chú
2023	1. Thông qua báo cáo tổng kết hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2022 & kế hoạch hoạt động năm 2023	Công ty đã hoàn thành Kế hoạch lợi nhuận.	Đại hội cổ đông thường niên năm 2023
	2. Thông qua báo cáo Ban Điều hành về kết quả hoạt động năm 2022 và kế hoạch SXKD năm 2023		
	3. Thông qua Báo cáo tóm tắt Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2022.		
	4. Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả hoạt động năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023		
	5. Thông qua nội dung sửa đổi Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty.	Đã ban hành điều lệ mới và các qui chế	
	6. Thông qua nội dung sửa đổi Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị		
	7. Thông qua tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2023	HDQT đã quyết định chọn Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023	
	8. Miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát	Đã hoàn thành xong	

	đổi với Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa và bầu bà Nguyễn Ngọc Mai Trinh làm thành viên Ban Kiểm soát thay Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa		
--	---	--	--

1.4 Nghị quyết, quyết định quan trọng của Hội Đồng Quản Trị

Từ sau đại hội đồng Cổ đông năm 2023 đến nay, Hội đồng Quản trị Công ty đã họp thường lệ 06 phiên, lấy ý kiến bằng văn bản để quyết định những vấn đề quan trọng, cấp bách liên quan đến công tác quản trị, điều hành của Công ty. Sau đây là một số nghị quyết, quyết định quan trọng của Hội đồng Quản trị.

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
01	11/NQ-HĐQT/2023	31/10/2023	Bổ nhiệm thư ký Công ty	100%
02	12/NQ-HĐQT/2023	25/12/2023	Nghị quyết chọn AASC là đơn vị kiểm toán BCTC năm 2023	100%
03	01/NQ-HĐQT/2024	07/03/2024	Nghị quyết V/v Tổ chức Đại Hội Đồng cổ đông thường niên năm 2024	100%
04	02/NQ-HĐQT/2024	22/03/2024	Nghị quyết phê duyệt Kế hoạch Đầu tư & sửa chữa năm 2024	66.7%
05	03/NQ-HĐQT/2024	22/03/2024	Nghị quyết Về việc sáp nhập Phòng Kinh doanh Tổng hợp và Phòng Kinh doanh Tươi sống	100 %
06	04/NQ-HĐQT/2024	22/03/2024	Nghị quyết Về việc chấp thuận không tham gia tiếp tục triển khai dự án và có định hướng thu hồi phần vốn góp của APT tại Công ty TNHH Chăn nuôi	66.7%

			Somo Farm Tân Biên	
07	05/NQ- HĐQT/2024	22/03/2024	Nghị quyết chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn – TNHH Một thành viên - Trung tâm Phân phối Satra	100%
08	06/NQ- HĐQT/2024	22/03/2024	Nghị quyết chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với Công ty Quản lý và Kinh doanh Chợ Bình Điền	100%
09	07/NQ- HĐQT/2024	22/03/2024	Nghị quyết chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với Công ty Cổ phần Somo Farm Cửu Long	100%

1.5 Đánh giá chung.

Về cơ bản, HĐQT đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ, chỉ tiêu được Đại Hội đồng Cổ đông hàng năm giao, diễn hình như:

- Định kỳ hàng quý họp HĐQT với sự tham dự đầy đủ của thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành.

- HĐQT luôn theo sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, nắm bắt diễn biến thị trường trong và ngoài nước để kịp thời chỉ đạo Ban Điều hành Công ty **thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên giao**. Tại các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên, HĐQT Công ty báo cáo kịp thời, đầy đủ, công khai, minh bạch, cụ thể về chủ trương, phương hướng nhằm khôi phục, phát triển sản xuất kinh doanh Công ty, tạo được niềm tin đối với các cổ đông. Chi tiết kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2023 sẽ được trình bày chi tiết tại báo cáo của Ban Điều hành.

1.6. Công tác quyết toán chuyển thể giai đoạn doanh nghiệp Nhà nước chuyển

sang Công ty Cổ phần và công tác tái cấu trúc Công ty.

- Công tác quyết toán giai đoạn chuyển thể doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty cổ phần sau khi có Biên bản chính thức của Kiểm toán Nhà nước KV VIII ngày 26/5/2020, với số tiền phải nộp về ngân sách Nhà nước là 28.258.592.313 đồng. Hội đồng Quản trị đã chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc cùng Tổng công ty Thương mại Sài Gòn TNHH MTV (gọi tắt là SATRA) hoàn tất thực hiện công tác đối chiếu, tổng hợp hồ sơ và đã nộp trình Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty APT của SATRA xem xét phê duyệt trình Ủy ban Nhân dân Thành phố.

- Công tác tái cấu trúc Công ty theo chỉ đạo của UBND Thành phố tại Thông báo số 477/TB-VP ngày 12/7/2010 hiện vẫn chưa thực hiện được do quá trình quyết toán chuyển thể giai đoạn doanh nghiệp Nhà nước chưa hoàn tất và UBND Thành phố cũng chưa có kết luận cuối cùng về kết quả thực hiện kết luận Thanh tra.

1.7. Chỉ đạo công tác hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Hội đồng Quản trị luôn theo sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như nắm bắt diễn biến thị trường trong và ngoài nước để kịp thời chỉ đạo Ban Tổng giám đốc Công ty vượt qua khó khăn hoàn thành các chỉ tiêu được Đại hội đồng Cổ đông giao cho

- Vào đầu tháng 01/2023 Hội đồng Quản trị đã bổ nhiệm Tổng giám đốc mới để thực hiện tốt hơn nữa định hướng của Hội đồng Quản trị trong công tác sản xuất kinh doanh năm 2023.

2. Ban Kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 đã bầu Ban Kiểm soát năm 2023 và nhiệm kỳ IV (2022-2027) gồm 3 thành viên

1. Ông Vũ Minh Bảo: - Trưởng Ban Kiểm soát.

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,057% (Người Đại diện vốn Công ty Cổ phần tập đoàn Somo Việt Nam).

2. Bà Nguyễn Ngọc Mai Trinh - Thành viên Ban Kiểm soát.

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,057% (Người Đại diện vốn Công ty Cổ phần tập đoàn Somo Việt Nam).

3. Bà Lê Thị Thùy Trang - Thành viên Ban Kiểm soát

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 8% (Người Đại diện vốn Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn TNHH MTV).

Tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa đã có đơn xin từ nhiệm. Đại hội đồng Cổ đông Công ty với kết quả lấy ý kiến biểu quyết tại Đại hội chấp thuận miễn nhiệm Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa và bầu Bà Nguyễn Ngọc Mai Trinh làm thành viên Ban Kiểm soát.



2.2. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Trên cơ sở quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát, mỗi thành viên được phân công phụ trách những vấn đề phù hợp với chuyên môn, gồm một số nội dung chủ yếu sau:

1. Giám sát việc tuân thủ các quy định của luật Doanh nghiệp và thực hiện các

chỉ tiêu tài chính;

2. Giám sát việc thực hiện Điều lệ Công ty, việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023;

3. Giám sát việc thực hiện, chấp hành các chính sách, chế độ quy định của Nhà nước, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội Đồng Cổ đông và các Nghị quyết, Quyết định, Thông báo đã được Hội đồng quản trị Công ty ban hành về tình hình hoạt động của Công ty;

4. Giám sát việc xây dựng, thực hiện các Quy chế, Quy định của Công ty. Việc ban hành các quy chế, quy định nội bộ, căn trọng trên cơ sở thực tiễn doanh nghiệp và phù hợp với quy định của pháp luật;

5. Chứng kiến công tác kiểm kê tháng 6 và tháng 12/2023, và có những góp ý trong công tác kế toán – kiểm toán và lập báo cáo tài chính;

6. Giám sát việc sử dụng vốn, quản lý tài sản của Doanh nghiệp; việc trang bị, đầu tư mua sắm tài sản và việc phân loại, trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro;

7. Phân công thành viên Ban Kiểm soát tham gia các cuộc họp của Hội đồng Quản trị Công ty, họp giao ban hàng tháng của Ban Điều hành. Trên cơ sở đó, nắm bắt tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, kiến nghị những vấn đề có liên quan đến công tác quản trị, điều hành sản xuất kinh doanh của Ban Điều hành Công ty.

Qua công tác kiểm tra, giám sát. Ban Kiểm soát đã nhận thấy Công ty đã tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

2.3 Đánh giá hoạt động.

2.3.1. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp và thành viên tham dự theo quy định của điều lệ Công ty.

- Hội đồng quản trị đã đề ra các chiến lược và định hướng kinh doanh để từng

bước đưa Công ty APT vượt qua các khó khăn.

- Các quyết định của Hội đồng quản trị về việc triển khai nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2023 được ban hành kịp thời và kiểm tra thường xuyên, phù hợp với lợi ích của Công ty và các Cổ đông.

2.3.2 Hoạt động của Ban Điều hành:

- Ban Điều hành Công ty gồm 02 thành viên (*Tổng Giám đốc và 01 Phó Tổng Giám đốc*).

- Ban Điều hành đã có nhiều nỗ lực, tích cực triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh theo Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị đề ra.

- Ban Điều hành duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo công việc làm ổn định cho người lao động.

- Công tác quyết toán giai đoạn chuyển thể doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty cổ phần sau khi có Biên bản chính thức của Kiểm toán Nhà nước KV VIII ngày 26/5/2020, với số tiền phải nộp về ngân sách Nhà nước là 28.258.592.313 đồng. Ban Điều hành đã tiếp tục thực hiện các giải trình, kiến nghị Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét về lộ trình nộp tiền về ngân sách. Do Công ty chưa thực hiện nộp ngân sách nhà nước và điều chỉnh sổ sách kế toán theo kết quả kiểm toán nên đến nay vẫn chưa hoàn tất hồ sơ để nộp về Ủy Ban nhân dân Thành phố.

- Công bố thông tin đối với Công ty Đại chúng. Báo cáo tài chính, báo cáo quản trị, báo cáo thường niên, ... được công bố kịp thời, đăng tải đầy đủ trên website Công ty, Cổ phiếu lên sàn Upcom tạo điều kiện cổ đông nắm được thông tin cổ phiếu,...

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước theo luật định.

2.3.3 Công tác phối hợp giữa ban kiểm soát với hội đồng quản trị, ban điều hành và cổ đông của công ty.

Ban Kiểm soát đã nhận được các thông tin và Nghị quyết của Hội đồng quản trị (HĐQT), Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán.

Ban Kiểm soát tham dự các phiên họp của HĐQT. Trên cơ sở đó, Ban Kiểm soát kịp thời theo sát các hoạt động của Công ty và việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Ban Kiểm soát duy trì độc lập trong hoạt động kiểm tra giám sát. Trong năm, Ban Kiểm soát cũng chưa nhận được kiến nghị nào của cổ đông đối với chỉ đạo và điều hành của HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành và cán bộ quản lý của Công ty.

2.4 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát:

Ngoài các khoản công tác phí phục vụ cho hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát không nhận bất kỳ khoản lương, thù lao nào khác trong năm 2023.

2.4.1. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

2.4.2. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

- Hợp đồng với Trung tâm phân phối SATRA-Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Sài Gòn TNHH Một thành viên

- Hợp đồng với Công ty quản lý và kinh doanh Chợ Bình Điền

- Hợp đồng với Công ty Cổ phần Somo Farm Cửu Long

2.4.3. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

- Công ty đã trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 phê duyệt Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.

- Công ty đã thực hiện đúng quy chế nội bộ về quản trị Công ty

- Công ty đã soạn thảo lại mới Điều lệ tổ chức và hoạt động, qui chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát theo đúng mẫu của Thông tư 116/2020/TT-BTC và đã trình đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 phê duyệt.

VI. Báo cáo Tài chính:

Ý kiến của kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Năm 2022, chúng tôi đã đưa Ý kiến kiểm toán ngoại trừ trên Báo cáo kiểm toán liên quan đến các vấn đề về Khả năng hoạt động liên tục của Công ty, các khoản nợ phải thu và phải trả chưa được đối chiếu, xác nhận đầy đủ. Những vấn đề này chưa được khắc phục dẫn đến việc Chúng tôi tiếp tục đưa ra Ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính năm 2023, cụ thể như sau:

- Đến thời điểm 31/12/2023, Công ty đang lỗ lũy kế là 1.354,5 tỷ đồng làm âm nguồn vốn chủ sở hữu 1.264,7 tỷ đồng; số lỗ lũy kế lớn gấp 15,39 lần vốn điều lệ của Công ty (88 tỷ đồng); các khoản nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 1.328,1 tỷ đồng; tổng số nợ phải trả là 1.435 tỷ, lớn gấp 16,3 lần vốn điều lệ của Công ty; trong đó, tổng số nợ phải trả quá hạn thanh toán là 1.415,8 tỷ đồng, trong đó nợ liên quan ngân hàng đã quá hạn là 1.374,9 tỷ đồng, nợ phải trả khác là 40,84 tỷ đồng. Các vấn đề này cùng với những vấn đề Công ty đã nêu tại Thuyết minh số 1 cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Chúng tôi không đánh giá được tính phù hợp của các số liệu cũng như ảnh hưởng của vấn đề này đến các khoản mục liên quan trên Báo cáo tài chính.

- Tại thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán các khoản nợ khó đòi chưa được đối chiếu, xác nhận đầy đủ bao gồm: Phải thu ngắn hạn của khách hàng là 71,504 tỷ đồng (Thuyết minh số 05); Trả trước cho người bán ngắn hạn là 5,65 tỷ đồng (Thuyết minh số 06) và Phải thu khác là 33,09 tỷ đồng (Thuyết minh số 07). Chúng tôi không đánh giá được khả năng thu hồi cũng như xác định số tổn thất (nếu có) của các khoản phải thu này.

- Tại thời điểm 31/12/2023, Công ty đang theo dõi một số khoản công nợ phải trả chưa được đối chiếu, xác định đầy đủ bao gồm: Người mua trả tiền trước ngắn hạn là

0,389 tỷ đồng (Thuyết minh số 14), Phải trả ngắn hạn khác là 877,661 tỷ đồng (Thuyết minh số 18), Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn là 538,141 tỷ đồng (Thuyết minh số 19). Chúng tôi không thể đánh giá được tính đầy đủ, chính xác của các khoản công nợ phải trả này cũng như các nghĩa vụ nợ khác có liên quan (nếu có) phát sinh từ các khoản phải trả này.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

TOÀN VĂN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2023 ĐÃ KIỂM TOÁN ĐÍNH KÈM.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐỖ NGỌC ANH

Nơi nhận:

- HNX (Để công bố thông tin);
- HDQT (Để báo cáo);
- Ban KS (Để TT);
- Lưu P.TCHC, TK.Công ty.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY HẢI SẢN SÀI GÒN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 35
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 35

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn tiền thân là Công ty Kinh doanh Thủy hải sản trực thuộc Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn. Công ty được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Kinh doanh Thủy hải sản theo Quyết định số 2399/QĐ-UBND ngày 26 tháng 05 năm 2006 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4103005759 đăng ký lần đầu ngày 20/12/2006 và thay đổi lần thứ 12 vào ngày 01/03/2024 (thay đổi đăng ký kinh doanh sang số 0300523755) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô 4-6-8 Đường số 1A, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Lâm Vinh Huy	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Thành Vinh	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 06/01/2023
Bà Đỗ Ngọc Nga	Thành viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Đỗ Ngọc Nga	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 06/01/2023
Ông Mai Minh Vương	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Vũ Minh Bảo	Trưởng ban	
Bà Nguyễn Ngọc Mai Trinh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/04/2023
Bà Lê Thị Thùy Trang	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28/04/2023

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Đỗ Ngọc Nga
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn được lập ngày 29 tháng 03 năm 2024, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Năm 2022, chúng tôi đã đưa Ý kiến kiểm toán ngoại trừ trên Báo cáo kiểm toán liên quan đến các vấn đề về Khả năng hoạt động liên tục của Công ty, các khoản nợ phải thu và phải trả chưa được đối chiếu, xác nhận đầy đủ. Những vấn đề này chưa được khắc phục dẫn đến việc Chúng tôi tiếp tục đưa ra Ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính năm 2023, cụ thể như sau:

- Đến thời điểm 31/12/2023, Công ty đang lỗ lũy kế là 1.354,5 tỷ đồng làm âm nguồn vốn chủ sở hữu 1.264,7 tỷ đồng; số lỗ lũy kế lớn gấp 15,39 lần vốn điều lệ của Công ty (88 tỷ đồng); các khoản nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 1.328,1 tỷ đồng; tổng số nợ phải trả là 1.435 tỷ, lớn gấp 16,3 lần vốn điều lệ của Công ty; trong đó, tổng số nợ phải trả quá hạn thanh toán là 1.415,8 tỷ đồng, trong đó nợ liên quan ngân hàng đã quá hạn là 1.374,9 tỷ đồng, nợ phải trả khác là 40,84 tỷ đồng. Các vấn đề này cùng với những vấn đề Công ty đã nêu tại Thuyết minh số 1 cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Chúng tôi không đánh giá được tính phù hợp của các số liệu cũng như ảnh hưởng của vấn đề này đến các khoản mục liên quan trên Báo cáo tài chính.

- Tại thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán các khoản nợ khó đòi chưa được đối chiếu, xác nhận đầy đủ bao gồm: Phải thu ngắn hạn của khách hàng là 71,504 tỷ đồng (Thuyết minh số 05); Trả trước cho người bán ngắn hạn là 5,65 tỷ đồng (Thuyết minh số 06) và Phải thu khác là 33,09 tỷ đồng (Thuyết minh số 07). Chúng tôi không đánh giá được khả năng thu hồi cũng như xác định số tổn thất (nếu có) của các khoản phải thu này.
- Tại thời điểm 31/12/2023, Công ty đang theo dõi một số khoản công nợ phải trả chưa được đối chiếu, xác định đầy đủ bao gồm: Người mua trả tiền trước ngắn hạn là 0,389 tỷ đồng (Thuyết minh số 14), Phải trả ngắn hạn khác là 877,661 tỷ đồng (Thuyết minh số 18), Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn là 538,141 tỷ đồng (Thuyết minh số 19). Chúng tôi không thể đánh giá được tính đầy đủ, chính xác của các khoản công nợ phải trả này cũng như các nghĩa vụ nợ khác có liên quan (nếu có) phát sinh từ các khoản phải trả này.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ” Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC




Trần Trung Hiếu

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2202-2023-002-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 04 năm 2024

Đào Trung Thành

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 4700-2024-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		103.715.915.030	89.451.089.140
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	13.633.541.616	12.838.835.915
111	1. Tiền		8.048.252.076	12.838.835.915
112	2. Các khoản tương đương tiền		5.585.289.540	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	30.100.000.000	13.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		30.100.000.000	13.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		15.030.032.478	24.966.737.680
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	81.895.975.577	88.691.966.342
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	9.291.080.320	6.119.091.666
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	34.317.688.960	40.290.991.961
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(110.474.712.379)	(110.135.312.289)
140	IV. Hàng tồn kho	08	38.594.844.340	32.840.442.886
141	1. Hàng tồn kho		39.105.170.619	32.840.442.886
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(510.326.279)	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		6.357.496.596	5.805.072.659
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	265.548.335	-
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		5.960.333.215	5.742.628.904
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	131.615.046	62.443.755
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		66.589.381.540	71.870.276.175
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		324.471.893	166.484.020
216	1. Phải thu dài hạn khác	07	324.471.893	166.484.020
220	II. Tài sản cố định		33.337.869.715	38.128.186.221
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	33.337.869.715	38.128.186.221
222	- Nguyên giá		130.748.179.545	133.342.328.169
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(97.410.309.830)	(95.214.141.948)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	-	-
228	- Nguyên giá		365.560.000	365.560.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(365.560.000)	(365.560.000)
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	20.000.000.000	20.000.000.000
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		20.000.000.000	20.000.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		12.927.039.932	13.575.605.934
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	12.927.039.932	13.575.605.934
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		170.305.296.570	161.321.365.315

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.435.020.913.492	1.290.082.114.613
310	I. Nợ ngắn hạn		1.431.836.840.587	1.287.415.359.387
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	3.332.689.708	4.990.445.112
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	1.213.906.408	1.342.103.771
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	41.221.747	449.490.464
314	4. Phải trả người lao động		6.513.034.551	4.226.709.756
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	3.580.604.767	1.816.555.210
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	17	794.038.785	798.434.197
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	878.202.799.577	769.464.475.833
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	538.141.800.000	504.310.400.000
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		16.745.044	16.745.044
330	II. Nợ dài hạn		3.184.072.905	2.666.755.226
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	3.184.072.905	2.666.755.226
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		(1.264.715.616.922)	(1.128.760.749.298)
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	(1.264.715.616.922)	(1.128.760.749.298)
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		88.000.000.000	88.000.000.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		88.000.000.000	88.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		1.831.822.301	1.831.822.301
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(1.354.547.439.223)	(1.218.592.571.599)
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		(1.218.592.571.599)	(1.077.597.648.059)
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		(135.954.867.624)	(140.994.923.540)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		170.305.296.570	161.321.365.315



Đoàn Thị Thu Hà
 Người lập

Đoàn Thị Thu Hà
 Kế toán trưởng

Đỗ Ngọc Nga
 Tổng Giám đốc

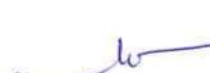
TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH


Năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	249.485.638.257	250.167.460.312
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23	2.675.634.818	155.720.368
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		246.810.003.439	250.011.739.944
11	4. Giá vốn hàng bán	24	206.434.098.982	204.517.263.838
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		40.375.904.457	45.494.476.106
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	3.896.002.058	576.799.845
22	7. Chi phí tài chính	26	142.031.200.833	147.529.551.078
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		60.179.693.767	55.688.225.438
25	8. Chi phí bán hàng	27	23.287.175.403	28.746.370.549
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	15.178.543.550	11.842.263.619
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(136.225.013.271)	(142.046.909.295)
31	11. Thu nhập khác	29	282.466.574	1.139.556.149
32	12. Chi phí khác	30	12.320.927	87.570.394
40	13. Lợi nhuận khác		270.145.647	1.051.985.755
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(135.954.867.624)	(140.994.923.540)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(135.954.867.624)	(140.994.923.540)
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	(15.449)	(16.022)


 Đoàn Thị Thu Hà
 Người lập


 Đoàn Thị Thu Hà
 Kế toán trưởng




 Đỗ Ngọc Nga
 Tổng Giám đốc
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2023

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		257.012.293.233	250.860.224.956
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(204.088.459.605)		(217.802.441.980)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động	(31.500.815.000)		(30.467.087.000)
06	4. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	2.034.307.952		14.292.044.318
07	5. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(9.009.015.135)		(17.030.238.818)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		14.448.311.445	(147.498.524)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
22	1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		300.000.000	1.518.181.818
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(73.700.000.000)		(34.000.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		56.600.000.000	36.000.000.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.304.407.184	631.090.340
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(14.495.592.816)	4.149.272.158
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(47.281.371)	4.001.773.634
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		12.838.835.915	8.399.776.339
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		841.987.072	437.285.942
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	13.633.541.616	12.838.835.915

Đoàn Thị Thu Hà
Người lập

Đoàn Thị Thu Hà
Kế toán trưởng

Đỗ Ngọc Nga
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2024



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2023

-1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn tiền thân là Công ty Kinh doanh Thủy hải sản trực thuộc Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn. Công ty được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Kinh doanh Thủy hải sản theo Quyết định số 2399/QĐ-UBND ngày 26 tháng 05 năm 2006 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4103005759 đăng ký lần đầu ngày 20/12/2006 và thay đổi lần thứ 12 vào ngày 01/03/2024 (thay đổi đăng ký kinh doanh sang số 0300523755) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô 4-6-8 Đường số 1A, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 88.000.000.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 88.000.000.000 VND; tương đương 8.800.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 274 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 222 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh các sản phẩm từ thủy sản.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Nuôi trồng thủy sản;
- Mua bán vật tư phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản;
- Ăn uống; Kinh doanh ăn uống các mặt hàng thủy hải sản tươi sống và chế biến; Dịch vụ ăn uống;
- Cho thuê kho, bãi; Dịch vụ bảo quản hàng đông lạnh xuất khẩu;
- Mua bán thủy hải sản; Mua bán thực phẩm; Công nghệ phẩm; Nông sản;
- Chế biến thủy hải sản; Chế biến nước mắm, nước chấm;
- Mua bán thủy hải sản, thực phẩm, nông sản.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Đến thời điểm 31/12/2023, Công ty đang lỗ lũy kế là 1.354,5 tỷ đồng làm âm nguồn vốn chủ sở hữu 1.264,7 tỷ đồng; số lỗ lũy kế lớn gấp 15,39 lần vốn điều lệ của Công ty (88 tỷ đồng); các khoản nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 1.328,1 tỷ đồng; tổng số nợ phải trả là 1.435 tỷ, lớn gấp 16,3 lần vốn điều lệ của Công ty; trong đó, tổng số nợ phải trả quá hạn thanh toán là 1.415,8 tỷ đồng, trong đó nợ liên quan ngân hàng đã quá hạn là 1.374,96 tỷ đồng, nợ phải trả khác là 40,84 tỷ đồng. Các dấu hiệu này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Công ty đã xây dựng phương án nguồn thu từ kế hoạch sản xuất kinh doanh và dòng tiền ổn định để chi trả các khoản nợ, do đó Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục là phù hợp.

Tại thời điểm 31/12/2023, Công ty đã thực hiện đánh giá lại khoản nợ vay 5.833 lượng vàng SJC tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (trước đây là Ngân hàng TMCP Phương Nam) theo giá niêm yết của ngân hàng cho vay. Ngoài ra, Công ty đã thực hiện ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm 2023 các khoản chi phí lãi vay cho toàn bộ khoản vay bằng vàng và tiền tại Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín với tổng số tiền là 60,179 tỷ đồng. Số lãi vay này được trích theo lãi suất ký kết trên các hợp đồng vay và chưa tính đến lãi quá hạn.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Xí nghiệp Đông lạnh Thăng Lợi	Lô 4-6-8 đường 1A, KCN Tân Tạo, quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh	Chế biến Thủy Hải sản
Xí nghiệp Chế biến Thực phẩm Thủy sản Chợ Lớn	Lô 4-6-8 đường 1A, KCN Tân Tạo, quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh	Chế biến Thủy Hải sản
Xí nghiệp Chế biến Thực phẩm Thủy sản Bình Thới	Lô 4-6-8 đường 1A, KCN Tân Tạo, quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh	Chế biến Thủy Hải sản
Xí nghiệp thu mua cung ứng Nông Hải sản Xuất khẩu	Lô 4-6-8 đường 1A, KCN Tân Tạo, quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh	Mua bán Thủy Hải sản
Xí nghiệp Kinh doanh nuôi trồng Thủy sản	Lô 4-6-8 đường 1A, KCN Tân Tạo, quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh	Mua bán Thủy Hải sản
Trung tâm Kinh doanh và Dịch vụ APT	Lô 4-6-8 đường 1A, KCN Tân Tạo, quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh	Chế biến Thủy Hải sản
Xưởng chế biến Hải sản	153 Lương Thế Vinh, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chế biến Thủy Hải sản
Xưởng chiết rót nước mắm	Lô 4-6-8 đường 1A, KCN Tân Tạo, quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh	Chế biến nước mắm
Xưởng đông lạnh Hưng Thịnh	Lô 4-6-8 đường 1A, KCN Tân Tạo, quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh	Chế biến Thủy Hải sản

Thông tin về công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc giá hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	02 - 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 12 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 06 năm
- Tài sản cố định khác	04 - 10 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Các khoản chi phí trả trước khác được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25/04/2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.15 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Các khoản vay bằng vàng của Công ty được đánh giá lại theo tỷ giá vàng niêm yết của ngân hàng cho vay tại ngày kết thúc năm tài chính.

2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí trích trước tạm tính giá vốn bất động sản... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.19 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.20 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.21 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là hàng bán bị trả lại.

Các khoản hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.22 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.23 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái, lỗ do đánh giá lại gốc vay vàng...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.24 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.25 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.26 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.



2.27 . Thông tin bộ phận

Do Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thủy sản xuất khẩu nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	618.533.000	669.094.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.429.719.076	12.169.741.915
Các khoản tương đương tiền (*)	5.585.289.540	-
	13.633.541.616	12.838.835.915

(*) Tại ngày 31/12/2023, khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng với tổng giá trị 5.585.289.540 đồng được gửi tại các ngân hàng thương mại cổ phần với lãi suất từ 2,2%/ năm đến 2,7%/ năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (**)	30.100.000.000	-	13.000.000.000	-
	30.100.000.000	-	13.000.000.000	-

(**) Tại ngày 31/12/2023, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng với tổng giá trị 30.100.000.000 đồng được gửi tại các ngân hàng thương mại cổ phần với lãi suất từ 5,3%/ năm đến 6,5%/ năm.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào Công ty liên kết				
Công ty TNHH Chăn nuôi Somo Farm Tân Biên	20.000.000.000	-	20.000.000.000	-
	20.000.000.000	-	20.000.000.000	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về đơn vị nhận đầu tư trong năm:

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty liên kết				
Công ty TNHH Chăn nuôi Somo Farm Tân Biên	Tỉnh Tây Ninh	40,00%	40,00%	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: cho thuê chuồng trại.

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	550.645.550	-	1.321.773.962	-
- Công ty Cổ phần Somo Gold	-	-	6.570.650	-
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên - Công ty Quản lý và Kinh doanh Chợ Bình Điền	227.358.354	-	789.196.636	-
- Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên	547.452	-	547.452	-
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên - Siêu thị Sài Gòn	5.992.271	-	42.851.643	-
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên - Trung tâm phân phối Satra	316.747.473	-	482.607.581	-
Bên khác	81.345.330.027	(71.843.710.836)	87.370.192.380	(71.504.310.746)
- Công nợ phải thu phát sinh từ năm 2007 đến năm 2009	71.504.310.746	(71.504.310.746)	71.504.310.746	(71.504.310.746)
+ Công ty Cổ phần Bảo Vinh	50.793.016.862	(50.793.016.862)	50.793.016.862	(50.793.016.862)
+ Công ty TNHH SX-TM Chợ Lớn	3.370.072.024	(3.370.072.024)	3.370.072.024	(3.370.072.024)
+ Ông Hồ Hữu Trí	7.659.225.191	(7.659.225.191)	7.659.225.191	(7.659.225.191)
+ DNTN TM Thủy Sản Trung Nam	1.891.453.600	(1.891.453.600)	1.891.453.600	(1.891.453.600)
+ Ông Hồ Văn Vàng	2.591.340.517	(2.591.340.517)	2.591.340.517	(2.591.340.517)
+ Các đối tượng khác	5.199.202.552	(5.199.202.552)	5.199.202.552	(5.199.202.552)
- JIF Co., Ltd	-	-	3.099.423.602	-
- Các khách hàng khác	9.841.019.281	(339.400.090)	12.766.458.032	-
	81.895.975.577	(71.843.710.836)	88.691.966.342	(71.504.310.746)

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công nợ ứng trước phát sinh từ năm 2007 đến năm 2009	5.650.000.000	(5.650.000.000)	5.650.000.000	(5.650.000.000)
- Công ty TNHH Điện Lạnh Sài Gòn	2.799.295.500	-	-	-
- Trả trước cho người bán khác	841.784.820	-	469.091.666	-
	9.291.080.320	(5.650.000.000)	6.119.091.666	(5.650.000.000)

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về lãi tiền gửi	483.296.396	-	241.262.447	-
Tạm ứng	400.000.000	-	6.893.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	43.078.428	-	43.078.428	-
Công nợ phải thu khác phát sinh từ năm 2007 đến năm 2009	32.981.001.543	(32.981.001.543)	33.093.651.086	(32.981.001.543)
Phải thu khác	410.312.593	-	20.000.000	-
	<u>34.317.688.960</u>	<u>(32.981.001.543)</u>	<u>40.290.991.961</u>	<u>(32.981.001.543)</u>
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	324.471.893	-	166.484.020	-
	<u>324.471.893</u>	<u>-</u>	<u>166.484.020</u>	<u>-</u>
c) Trong đó: Phải thu khác là bên liên quan				
Công ty Quản lý và Kinh Doanh Chợ Bình Điền	459.759.230	-	158.484.020	-
	<u>459.759.230</u>	<u>-</u>	<u>158.484.020</u>	<u>-</u>

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	6.143.604.085	-	3.930.596.138	-
Công cụ, dụng cụ	35.148.000	-	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.712.754.528	-	3.085.665.130	-
Thành phẩm	27.129.080.448	(510.326.279)	25.821.841.861	-
Hàng hoá	84.583.558	-	2.339.757	-
	<u>39.105.170.619</u>	<u>(510.326.279)</u>	<u>32.840.442.886</u>	<u>-</u>

9 . NỢ XẤU

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Phải thu của khách hàng	72.195.399.286	351.688.450	71.504.310.746	-
- Công ty Cổ phần Bảo Vinh	50.793.016.862	-	50.793.016.862	-
- Ông Hồ Hữu Trí	7.659.225.191	-	7.659.225.191	-
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Chợ Lớn	3.370.072.024	-	3.370.072.024	-
- Ông Hồ Văn Vàng	2.591.340.517	-	2.591.340.517	-
- Các đối tượng khác	7.781.744.692	351.688.450	7.090.656.152	-
Trả trước cho người bán	5.650.000.000	-	5.650.000.000	-
- Ông Trần Văn Lợi	2.900.000.000	-	2.900.000.000	-
- Ông Bùi Văn Tùng	2.300.000.000	-	2.300.000.000	-
- Công ty TNHH Thương mại Quốc tế Việt Long	450.000.000	-	450.000.000	-
Phải thu khác	32.981.001.543	-	32.981.001.543	-
- Ông Trương Văn Ruông	7.845.270.151	-	7.845.270.151	-
- Ông Võ Lương Phương Trọng	7.485.233.856	-	7.485.233.856	-
- Ông Phan Trọng Hiệp	6.752.377.240	-	6.752.377.240	-
- Ông Trần Văn Út	2.549.673.775	-	2.549.673.775	-
- Các đối tượng khác	8.348.446.521	-	8.348.446.521	-
	110.826.400.829	351.688.450	110.135.312.289	-

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	53.603.256.596	64.310.131.881	10.290.048.267	254.023.720	4.884.867.705	133.342.328.169
- Thanh lý, nhượng bán	-	(2.135.596.168)	(458.552.456)	-	-	(2.594.148.624)
Số dư cuối năm	53.603.256.596	62.174.535.713	9.831.495.811	254.023.720	4.884.867.705	130.748.179.545
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	32.373.564.212	52.138.485.035	6.762.813.427	254.023.720	3.685.255.554	95.214.141.948
- Khấu hao trong năm	2.118.185.941	1.966.777.585	571.783.476	-	133.569.504	4.790.316.506
- Thanh lý, nhượng bán	-	(2.135.596.168)	(458.552.456)	-	-	(2.594.148.624)
Số dư cuối năm	34.491.750.153	51.969.666.452	6.876.044.447	254.023.720	3.818.825.058	97.410.309.830
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	21.229.692.384	12.171.646.846	3.527.234.840	-	1.199.612.151	38.128.186.221
Tại ngày cuối năm	19.111.506.443	10.204.869.261	2.955.451.364	-	1.066.042.647	33.337.869.715

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 5.696.133.032 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 54.516.819.728 đồng.

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tại ngày 31/12/2023, tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá và hao mòn lũy kế lần lượt là 365.560.000 đồng.

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí sửa chữa	265.548.335	-
	<u>265.548.335</u>	<u>-</u>
b) Dài hạn		
Tiền thuê đất tại Khu công nghiệp Tân Tạo ⁽¹⁾	8.386.590.576	8.751.199.824
Tiền thuê quầy tại chợ Bình Điền chờ phân bổ ⁽²⁾	2.897.080.783	2.998.676.743
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	1.501.399.813	1.748.084.369
Các chi phí khác	141.968.760	77.644.998
	<u>12.927.039.932</u>	<u>13.575.605.934</u>

⁽¹⁾ Tiền thuê đất tại Khu công nghiệp Tân Tạo đã được Công ty trả trước một lần cho cả thời hạn thuê với tổng diện tích 20.340 m². Khoản tiền thuê này được phân bổ trong thời gian 42 năm.

⁽²⁾ Tiền thuê quầy tại chợ Bình Điền đã được Công ty trả trước một lần cho cả thời hạn thuê. Khoản tiền thuê này được phân bổ trong thời gian 50 năm.

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Võ Việt Phúc	-	-	767.326.840	767.326.840
Nguyễn Văn Bình	-	-	599.587.330	599.587.330
Trần Văn Khinh	-	-	587.448.000	587.448.000
Công ty Cổ phần Bao bì Giấy An Hạ	359.855.989	359.855.989	471.861.288	471.861.288
Võ Hoàng Kha	-	-	460.766.400	460.766.400
Nguyễn Thị Tiên Em	-	-	439.308.220	439.308.220
Trần Phương	698.810.000	698.810.000	-	-
Trần Tuấn Lâm	587.033.000	587.033.000	-	-
Phải trả các đối tượng khác	1.686.990.719	1.686.990.719	1.664.147.034	1.664.147.034
	3.332.689.708	3.332.689.708	4.990.445.112	4.990.445.112

14 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Bên liên quan	74.922.937	40.146.945
Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên - Trung tâm phân phối Satra	67.132.616	40.146.945
Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên - Siêu thị Sài Gòn	7.790.321	-
Bên khác	1.138.983.471	1.301.956.826
Các khoản công nợ trước cổ phần hóa	389.925.937	389.925.937
AK Trading Co., Ltd	-	352.469.843
Mooijer Volendam BV	-	147.503.200
Asco Foods Limited	265.608.923	-
Công ty TNHH Fresco Foods	171.526.787	-
Công Ty TNHH Dịch vụ EB	148.327.481	-
Các đối tượng khác	163.594.343	412.057.846
	1.213.906.408	1.342.103.771

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	13.951.927	-	-	-	13.951.927	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	10.656.154	-	-	-	10.656.154	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	37.835.674	-	-	-	37.835.674	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	9.497.458	367.533.423	335.809.134	-	41.221.747
Thuế Tài nguyên	-	-	1.881.920	1.881.920	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	439.993.006	6.412.200.422	6.921.364.719	69.171.291	-
Các loại thuế khác	-	-	9.000.000	9.000.000	-	-
	62.443.755	449.490.464	6.790.615.765	7.268.055.773	131.615.046	41.221.747

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Chi phí chiết khấu trích trước	368.831.009	568.075.583
Chi phí xuất khẩu hàng hóa	611.675.274	315.173.413
Chi phí điện	351.655.527	280.050.228
Chi phí vận chuyển, bốc xếp	-	208.517.872
Chi phí sửa chữa hạ tầng	-	115.000.000
Chi phí nước	432.809.476	35.000.000
Chi phí hội họp	520.000.000	-
Chi phí phải trả khác	1.295.633.481	294.738.114
	3.580.604.767	1.816.555.210

17 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Doanh thu nhận trước về cho thuê mặt bằng	794.038.785	798.434.197
	794.038.785	798.434.197

18 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Phải trả về cổ phần hoá	11.267.612.814	11.267.612.814
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	17.600.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	90.148.900	90.148.900
- Phải trả lãi vay ⁽¹⁾	861.621.004.646	753.424.404.859
+ <i>Phải trả Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên lãi vay vốn</i>	24.799.354.131	24.799.354.131
+ <i>Phải trả Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Ngân hàng TMCP Phương Nam) - lãi vay VND</i>	171.576.866.675	159.045.200.008
+ <i>Phải trả Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Ngân hàng TMCP Phương Nam) - lãi vay vàng</i>	665.244.783.840	569.579.850.720
- Phải trả về kinh phí ngành ⁽²⁾	600.778.835	600.778.835
- Phải trả về tài sản bàn giao của Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên ⁽²⁾	3.396.720.854	3.396.720.854
- Phải trả Sở Tài chính về di dời chợ Xóm Củi và sân cá 50 ⁽²⁾	240.931.000	240.931.000
- Phải trả tại Trung tâm kinh doanh thủy sản APT ⁽²⁾	208.594.004	208.594.004
- Trích nộp Quỹ phúc lợi cho Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên ⁽²⁾	81.697.182	81.697.182
- Kinh phí di dời ⁽²⁾	68.034.000	68.034.000
- Phải trả Công ty Thực phẩm Đông lạnh Xuất khẩu Sài Gòn ⁽²⁾	74.931.310	74.931.310
- Phải trả tại Cửa hàng Cầu Ông Lãnh ⁽²⁾	10.622.075	10.622.075
- Phải trả khác	524.123.957	-
	878.202.799.577	769.464.475.833

18 PHẢI TRẢ KHÁC (TIẾP THEO):

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	3.184.072.905	2.666.755.226
	3.184.072.905	2.666.755.226
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán		
- Phải trả về cổ phần hoá ⁽³⁾	11.267.612.814	11.267.612.814
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	90.148.900	90.148.900
- Phải trả tiền lãi vay ⁽¹⁾	861.621.004.646	753.424.404.859
+ Phải trả Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên lãi vay vốn	24.799.354.131	24.799.354.131
+ Phải trả Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Ngân hàng TMCP Phương Nam) - lãi vay VND	171.576.866.675	159.045.200.008
+ Phải trả Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Ngân hàng TMCP Phương Nam) - lãi vay vàng	665.244.783.840	569.579.850.720
- Phải trả về kinh phí ngành ⁽²⁾	600.778.835	600.778.835
- Phải trả về tài sản bàn giao của Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên ⁽²⁾	3.396.720.854	3.396.720.854
- Phải trả Sở Tài chính về di dời chợ Xóm Cũi và sân cá 50 ⁽²⁾	240.931.000	240.931.000
- Phải trả tại Trung tâm kinh doanh thủy sản APT ⁽²⁾	208.594.004	208.594.004
- Trích nộp Quỹ phúc lợi cho Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên ⁽²⁾	81.697.182	81.697.182
- Kinh phí di dời ⁽²⁾	68.034.000	68.034.000
- Phải trả Công ty Thực phẩm Đông lạnh Xuất khẩu Sài Gòn ⁽²⁾	74.931.310	74.931.310
- Phải trả tại Cửa hàng Cầu Ông Lãnh ⁽²⁾	10.622.075	10.622.075
	877.661.075.620	769.464.475.833
d) Lý do chưa thanh toán nợ quá hạn		
⁽¹⁾ Khoản lãi vay liên quan tới khoản vay tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (trước đây là Ngân hàng TMCP Phương Nam) và Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên không có khả năng thanh toán.		
⁽²⁾ Các khoản công nợ phải trả phát sinh ở giai đoạn Công ty Nhà nước trước khi cổ phần hóa đang chờ quyết toán.		
⁽³⁾ Trong đó, bao gồm số tiền 11,178 tỷ đồng liên quan đến nguồn vốn Sở Tài chính cấp cho Công ty để thực hiện Dự án Nhà máy Tân Tạo từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến sau thời điểm cổ phần hóa.		
e) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan		
- Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên	28.277.772.167	28.277.772.167
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên - Trung tâm phân phối Satra	60.000.000	60.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Song Mộc	165.000.000	336.000.000
- Công ty Cổ phần Somo Gold	227.601.000	-
	28.730.373.167	28.673.772.167

106-C.
 NH
 NH
 I TOA
 G
 Ồ CH

19 . VAY NGẮN HẠN

	01/01/2023		Trong năm		31/12/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng (*)	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (trước đây là Ngân hàng TMCP Phương Nam)	504.310.400.000	504.310.400.000	33.831.400.000	-	538.141.800.000	538.141.800.000
	504.310.400.000	504.310.400.000	33.831.400.000	-	538.141.800.000	538.141.800.000

(*) Khoản phát sinh tăng nợ gốc vay trong năm là do đánh giá lại khoản nợ vay vàng SJC.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Số dư tại ngày 31/12/2023 gồm các Hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

(1) Hợp đồng tín dụng số 011/01/09 ngày 08/01/2009, với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 103 tỷ đồng;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- Thời hạn cho vay: 12 tháng từ ngày 08/01/2009 đến 08/01/2010, hợp đồng này đã quá hạn thanh toán nhưng Công ty chưa có khả năng trả nợ cho ngân hàng;
- Lãi suất cho vay: 12%/năm;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: Bằng toàn bộ tài sản của Công ty theo hợp đồng thế chấp tài sản số 009/HĐTC.2009 ngày 08/01/2009;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 103.000.000.000 đồng.

(2) Hợp đồng tín dụng số 009/01/09 ngày 08/01/2009, với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 5.833 lượng vàng SJC, tương đương 249.360.750.000 đồng theo tỷ giá vàng tại ngày 31/12/2020;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- Thời hạn cho vay: 12 tháng từ ngày 08/01/2009 đến 08/01/2010, hợp đồng này đã quá hạn thanh toán nhưng Công ty chưa có khả năng trả nợ cho ngân hàng;
- Lãi suất cho vay: 10,8%/năm;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: Bằng toàn bộ tài sản của Công ty theo hợp đồng thế chấp tài sản số 009/HĐTC.2009 ngày 08/01/2009;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 5.833 lượng vàng SJC, tương đương 435.141.800.000 đồng.

Liên quan đến các khoản vay này, Công ty đã có công văn số 94/CV-THS ngày 20/06/2022 công bố thông tin theo qui định về việc là bị đơn trong vụ án dân sự "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" với Ngân hàng Sacombank.

Các khoản vay từ ngân hàng đã được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố/bảo lãnh với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.

Số vay quá hạn chưa thanh toán

	31/12/2023		01/01/2023	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Ngân hàng TMCP Phương Nam)	538.141.800.000	836.821.650.515	504.310.400.000	728.625.050.728
	<u>538.141.800.000</u>	<u>836.821.650.515</u>	<u>504.310.400.000</u>	<u>728.625.050.728</u>

Lý do chưa thanh toán: Không có khả năng thanh toán.

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ Đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	88.000.000.000	1.831.822.301	(1.077.597.648.059)	(987.765.825.758)
Lỗ trong năm trước	-	-	(140.994.923.540)	(140.994.923.540)
Số dư cuối năm trước	88.000.000.000	1.831.822.301	(1.218.592.571.599)	(1.128.760.749.298)
Số dư đầu năm nay	88.000.000.000	1.831.822.301	(1.218.592.571.599)	(1.128.760.749.298)
Lỗ trong năm nay	-	-	(135.954.867.624)	(135.954.867.624)
Số dư cuối năm nay	88.000.000.000	1.831.822.301	(1.354.547.439.223)	(1.264.715.616.922)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
- Công ty TNHH Tập đoàn Somo Việt Nam	41,10	36.168.000.000	41,10	36.168.000.000
- Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên	30,00	26.401.980.000	30,00	26.401.980.000
- Ông Tạ Bá Thuyết	2,27	2.000.000.000	2,27	2.000.000.000
- Cổ đông khác	26,63	23.430.020.000	26,63	23.430.020.000
	<u>100</u>	<u>88.000.000.000</u>	<u>100</u>	<u>88.000.000.000</u>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	88.000.000.000	88.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	88.000.000.000	88.000.000.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm</i>	90.148.900	90.148.900
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm</i>		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm</i>	<u>90.148.900</u>	<u>90.148.900</u>

d) Cổ phiếu	31/12/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.800.000	8.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.800.000	8.800.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.800.000	8.800.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phần		
e) Các quỹ công ty	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.831.822.301	1.831.822.301
	1.831.822.301	1.831.822.301

21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài

Công ty ký các hợp đồng thuê đất hoặc được giao đất trả tiền sử dụng hàng năm theo quyết định số 5196/QĐ-UBND ngày 09/10/2005 tại thành phố Hồ Chí Minh để sử dụng. Theo các hợp đồng và các quyết định giao đất này, Công ty trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước, chi tiết như sau:

Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Nội dung
Trại cá tại xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh	25.211,00	Đất thuê đến năm 2021.
Số 157 Hưng Phú, phường 08, quận 08, Thành phố Hồ Chí Minh.	7.800,80	Đất thuê hiện đang trong quy hoạch dự án công viên cây xanh.
Số 49 Ông Ích Khiêm, phường 10, quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.	1.492,00	Đất thuê trả tiền hàng năm.
Số 153 Lương Thế Vinh, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.	671,00	Đất thuê trả tiền hàng năm.
Số 117 Nghĩa Thục, phường 05, quận 05, Thành phố Hồ Chí Minh	401,10	Đất thuê trả tiền hàng năm.
Số 469 Bạch Đằng, phường 14, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	322,90	Đất thuê trả tiền hàng năm.
Số 321 - 323 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 25, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	299,90	Đất thuê trả tiền hàng năm.
Số 107/14 Lạc Long Quân, phường 03, quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh	293,20	Đất thuê trả tiền hàng năm.
Số 109 Nguyễn Thái Sơn, phường 04, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh	277,00	Đất thuê trả tiền hàng năm.
Số 1103 - 1105 Trần Hưng Đạo, phường 05, quận 05, Thành phố Hồ Chí Minh	193,50	Đất thuê đến năm 2020.
Số 48 - 50 Lê Văn Linh, phường 12, quận 04, Thành phố Hồ Chí Minh	159,70	Đất thuê đến năm 2020.
Số 202 - 204 Hàn Hải Nguyên, phường 02, quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh	147,00	Đất thuê đến năm 2058.
Số 78 - 80 Nghĩa Thục, phường 05, quận 05, Thành phố Hồ Chí Minh	134,50	Đất thuê đến năm 2020.
Số 42 Trưng Nữ Vương, phường 04, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh	89,30	Đất thuê đến năm 2058.
Số 98 Bến Chương Dương, phường Nguyễn Thái Bình, quận 01, Thành phố Hồ Chí Minh	75,20	Đất thuê đến năm 2058.

b) Ngoại tệ các loại		
	31/12/2023	01/01/2023
Đồng đô la Mỹ (USD)	156.224,06	755,76
c) Nợ khó đòi đã xử lý		
	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Ông Trần Văn Tạo	383.646.000	383.646.000
- Công ty Thái Sơn - Chi nhánh Nga	653.763.334	653.763.334
- Bà Lê Thị Minh Hiếu	208.756.990	208.756.990
	1.246.166.324	1.246.166.324
22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		
	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	15.672.751.462	26.065.010.927
Doanh thu bán thành phẩm	185.813.565.137	182.499.734.707
Doanh thu cung cấp dịch vụ	47.999.321.658	41.602.714.678
	249.485.638.257	250.167.460.312
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 36)	4.684.966.349	6.747.785.268
23 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU		
	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	-	115.316.671
Hàng bán bị trả lại	2.675.634.818	32.284.095
Giảm giá hàng bán	-	8.119.602
	2.675.634.818	155.720.368
24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN		
	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	10.211.172.319	21.317.528.877
Giá vốn của thành phẩm đã bán	165.451.367.867	163.856.603.418
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	30.261.232.517	19.343.131.543
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	510.326.279	-
	206.434.098.982	204.517.263.838
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 36)	54.090.940	1.461.428.836
25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi	2.546.441.133	576.799.845
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.349.560.925	-
	3.896.002.058	576.799.845

26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
- Lãi tiền vay	60.179.693.767	55.688.225.438
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	81.851.507.066	91.841.325.640
+ Lỗi CLTG do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm	3.201.046	3.365.678
+ Lỗi CLTG do đánh giá lại số dư gốc vay vàng cuối năm	81.848.306.020	91.837.959.962
	142.031.200.833	147.529.551.078

27 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.458.951.364	5.302.235.793
Chi phí nhân công	4.919.822.094	4.496.168.340
Chi phí khấu hao tài sản cố định	653.458.764	716.412.988
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.947.935.534	15.023.740.658
Chi phí khác bằng tiền	3.307.007.647	3.207.812.770
	23.287.175.403	28.746.370.549
Trong đó: Chi phí mua từ các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 36)</i>	719.494.080	719.494.080

28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	16.454.525	546.884.508
Chi phí nhân công	8.534.375.977	7.643.032.211
Chi phí khấu hao tài sản cố định	869.647.483	856.330.472
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng	339.400.090	(862.520.324)
Thuế, phí, và lệ phí	9.000.000	10.966.040
Chi phí dịch vụ mua ngoài	376.665.288	445.920.690
Chi phí khác bằng tiền	5.033.000.187	3.201.650.022
	15.178.543.550	11.842.263.619

29 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	272.727.273	623.813.412
Thu nhập từ xử lý các khoản công nợ	9.733.681	514.277.598
Thu nhập khác	5.620	1.465.139
	282.466.574	1.139.556.149

30 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
- Các khoản bị phạt	11.818.995	25.782.713
Chi phí xử lý nợ	501.932	61.787.681
	12.320.927	87.570.394

31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	(135.954.867.624)	(140.994.923.540)
Các khoản điều chỉnh tăng	57.633.252.634	-
- <i>Lãi vay không được trừ theo ND 132/2020/ND-CP</i>	57.633.252.634	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	(78.321.614.990)	(140.994.923.540)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	(37.835.674)	(37.835.674)
Thuế TNDN đã nộp trong năm	-	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	(37.835.674)	(37.835.674)

32 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	(135.954.867.624)	(140.994.923.540)
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(135.954.867.624)	(140.994.923.540)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	8.800.000	8.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(15.449)	(16.022)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

33 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	148.844.437.397	144.796.903.346
Chi phí nhân công	36.664.964.616	34.814.280.894
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.790.316.506	5.015.549.244
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.807.178.714	26.622.758.225
Chi phí khác bằng tiền	10.005.750.089	9.024.700.132
	238.112.647.322	220.274.191.841

34 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động tỷ giá hối đoái, tỷ giá vàng và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị...

Rủi ro về tỷ giá vàng:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá vàng khi có các giao dịch được thực hiện bằng vàng là vay.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2023				
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.015.008.616	-	-	13.015.008.616
Phải thu khách hàng, phải thu khác	11.388.952.158	324.471.893	-	11.713.424.051
Các khoản cho vay	30.100.000.000	-	-	30.100.000.000
	54.503.960.774	324.471.893	-	54.828.432.667
Tại ngày 01/01/2023				
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.169.741.915	-	-	12.169.741.915
Phải thu khách hàng, phải thu khác	24.497.646.014	166.484.020	-	24.664.130.034
Các khoản cho vay	13.000.000.000	-	-	13.000.000.000
	49.667.387.929	166.484.020	-	49.833.871.949

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2023				
Vay và nợ	538.141.800.000	-	-	538.141.800.000
Phải trả người bán, phải trả khác	881.535.489.285	3.184.072.905	-	884.719.562.190
Chi phí phải trả	3.580.604.767	-	-	3.580.604.767
	1.423.257.894.052	3.184.072.905	-	1.426.441.966.957
Tại ngày 01/01/2023				
Vay và nợ	504.310.400.000	-	-	504.310.400.000
Phải trả người bán, phải trả khác	774.454.920.945	2.666.755.226	-	777.121.676.171
Chi phí phải trả	1.816.555.210	-	-	1.816.555.210
	1.280.581.876.155	2.666.755.226	-	1.283.248.631.381

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là cao. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

35. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

36. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên	Cổ đông
Công ty Cổ Phần Somo Gold	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần SomoFarm Cửu Long	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Song Mộc	Chủ tịch HĐQT là anh trai chủ tịch HĐQT Công ty
Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên - Công ty Quản lý và Kinh doanh Chợ Bình Điền	Chi nhánh của Cổ đông
Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên - Siêu thị Sài Gòn	Chi nhánh của Cổ đông
Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên - Trung tâm phân phối Satra	Chi nhánh của Cổ đông

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.684.966.349	6.747.785.268
- Công ty Cổ phần Somo Gold	425.582.341	102.262.953
- Công ty Cổ phần SomoFarm Cửu Long	26.028.600	3.353.807
- Công ty Cổ phần Đầu tư Song Mộc	1.112.790.000	1.352.400.000
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên - Công ty Quản lý và Kinh doanh Chợ Bình Điền	2.975.379.888	5.046.985.242
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên - Siêu thị Sài Gòn	145.185.520	242.783.266

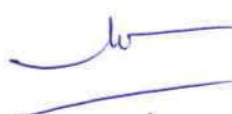
Giao dịch phát sinh trong năm (tiếp theo):

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Mua hàng hóa, vật tư	54.090.940	1.461.428.836
- Công ty Cổ phần SomoFarm Cửu Long	54.090.940	43.904.400
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên - Siêu thị Sài Gòn	-	1.417.524.436
Chi phí bán hàng	719.494.080	719.494.080
- Công ty Quản lý và Kinh doanh Chợ Bình Điền	719.494.080	719.494.080
	Chức vụ	
	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Thu nhập, thù lao của người quản lý chủ chốt	1.783.360.000	1.547.824.000
Ông Nguyễn Thành Vinh	599.420.000	590.364.000
Bà Đỗ Ngọc Nga	662.500.000	67.200.000
		Giám đốc
Ông Trương Tiến Dũng	-	401.300.000
		Nguyên Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Ông Mai Minh Vương	521.440.000	488.960.000
		Phó Tổng Giám đốc

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

37 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.




Đoàn Thị Thu Hà
 Người lập



Đoàn Thị Thu Hà
 Kế toán trưởng




Đỗ Ngọc Nga
 Tổng Giám đốc
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2024